



**CÔNG TY CP BÊ TÔNG LY TÂM
ĐIỆN LỰC KHÁNH HÒA**



BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN NĂM BÁO CÁO 2013

KHÁNH HÒA, THÁNG 3/2014

CÔNG TY CỔ PHẦN BÊ TÔNG LY TÂM ĐIỆN LỰC KHÁNH HÒA
KHANH HOA POWER CENTRIFUGAL CONCRETE JOINT STOCK COMPANY

Địa chỉ : Lô C5,6,7,8 KCN Đặc Lộc – Vĩnh Phương – Tp. Nha Trang – Tỉnh Khánh Hòa

Điện thoại : 058. 3827929

Fax : 058. 3827919

Email : ctyblt.dlkh@gmail.com

Website : www.kpceco.com.vn

BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN

(Phụ lục số II theo Thông tư số 52/2012/TT-BTC ngày 05 tháng 4 năm 2012 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn về việc Công bố thông tin trên thị trường chứng khoán)

BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN

CÔNG TY CỔ PHẦN BÊ TÔNG LY TÂM ĐIỆN LỰC KHÁNH HÒA NĂM 2013

.....

I. THÔNG TIN CHUNG:

1. Thông tin khái quát:

Tên giao dịch : CÔNG TY CỔ PHẦN BÊ TÔNG LY TÂM ĐIỆN LỰC KHÁNH HÒA

Tên viết tắt : KPCECO

Giấy CN ĐKDN : 4200742214 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Tỉnh Khánh Hòa cấp lần đầu ngày 19/03/2008 (số cũ 3703000358), đăng ký thay đổi lần thứ hai ngày 20/5/2011.

Vốn điều lệ : 15.000.000.000 đồng (Mười lăm tỷ đồng)

Vốn chủ sở hữu : 21.243.309.136 đồng

Trụ sở chính : Lô C5,6,7,8 KCN Đặc Lộc – Vĩnh Phương - Tp. Nha Trang – Tỉnh Khánh Hòa

Địa chỉ giao dịch : số 01 Phan Bội Châu – P. Xương Huân – Tp. Nha Trang – Khánh Hòa

Điện thoại : 058. 3827929

Fax: 058. 3827919

Website : www.kpceco.com.vn

Mã cổ phiếu : KCE

Logo :



2. Quá trình hình thành và phát triển

Công ty Cổ phần Bê tông ly tâm Điện lực Khánh Hòa tiền thân là Xí nghiệp xây lắp Công nghiệp Điện lực Khánh Hòa với quá trình hình thành và phát triển như sau:

- Tháng 03/1994: Điện lực Khánh Hòa tiến hành cải tạo Xưởng đúc trụ vuông thuộc Phân xưởng Cơ điện – Điện lực Khánh Hòa, lắp đặt dây chuyên sản xuất Bê tông ly tâm;

- Tháng 12/1994: Khánh thành Xưởng đúc trụ Bê tông ly tâm Điện lực Khánh Hòa (28E Trần Phú, Vĩnh Nguyên, Nha Trang) – trực thuộc Đội Xây lắp điện;

- Tháng 05/1997: Xây dựng Xưởng sản xuất Bê tông ly tâm tại số 07 Phạm Phú Thứ, Bình Tân, Nha Trang, Khánh Hòa;

- Ngày 01/07/2005: Điện lực Khánh Hòa tiến hành cổ phần hóa và thành lập Công ty Cổ phần Điện lực Khánh Hòa và đến ngày 15/11/2005 xí nghiệp Xây lắp Công nghiệp Điện lực Khánh Hòa được thành lập dựa trên cơ sở nhân lực của Đội xây lắp điện và Xưởng sản xuất BTLT trực thuộc Xí nghiệp;

- Ngày 27/02/2008: Công ty Cổ phần Bê tông ly tâm Điện lực Khánh Hòa được thành lập theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông, trên cơ sở vốn góp của các cổ đông: Công ty Cổ phần Điện lực Khánh Hòa, Công ty Cổ phần Bê tông ly tâm An Giang và Cán bộ Công nhân viên hai Công ty;

- Ngay sau khi thành lập, Công ty đã tiến hành lập Dự án “Nhà máy Bê tông Ly tâm ứng lực trước Khánh Hòa” được Sở Xây dựng tỉnh Khánh Hòa cấp giấy phép xây dựng vào ngày 19/12/2008 và bắt đầu khởi công thực hiện Dự án tại Lô số C5,6,7,8 khu Công nghiệp Đắc Lộc, Vĩnh Phương, Nha Trang vào ngày 05/11/2008;

- Đầu tháng 01/2009: Công ty Cổ phần Bê tông ly tâm Điện lực Khánh Hòa tiếp nhận toàn bộ nhân sự, thiết bị của Xưởng sản xuất BTLT – Xí nghiệp Xây lắp Công nghiệp Điện lực Khánh Hòa chuyển qua;

- Cuối tháng 04/2009: Nhà máy BTLT ứng lực trước Khánh Hòa cơ bản được hoàn thành, tiến hành chạy thử, nghiệm thu và đưa vào sử dụng. Hạng mục di dời máy móc, thiết bị từ Xưởng sản xuất Bình Tân sang Nhà máy mới tại Đắc Lộc cũng được hoàn thành. Nhà máy BTLT ứng lực trước Khánh Hòa chính thức đi vào hoạt động vào tháng 07/2009;

- Ngày 29/07/2009: Công ty Cổ phần Bê tông ly tâm Điện lực Khánh Hòa tiến hành làm Lễ khánh thành cho Nhà máy sản xuất Bê tông Ly tâm ứng lực trước Khánh Hòa, đánh dấu hoàn thành một dự án lớn, xuyên suốt hoạt động của Công ty;

- Tại Đại hội đồng cổ đông thường niên Công ty năm 2009 ngày 28/5/2009 Đại hội đã thống nhất phương án tăng vốn điều lệ Công ty từ 10 tỷ đồng lên 15 tỷ đồng.

- Ngày 29/12/2009 Công ty đăng ký thay đổi giấy CNĐKKD lần 1.

- Ngày 20/5/2011 Công ty đăng ký thay đổi giấy CNĐKKD lần 2 .

- Công ty được Sở giao dịch chứng khoán Hà Nội cho phép giao dịch trên sàn UpCom theo quyết định số 11/QĐ-SGDHN ngày 12/01/2011 và chính thức đưa cổ phiếu của Công ty bắt đầu giao dịch từ ngày 08/02/2011 với mã cổ phiếu là KCE.

- Tính đến nay Công ty vẫn hoạt động bình thường, không có sự thay đổi nào. Dự kiến vào ngày 18/4/2013 Đại hội cổ đông thường niên Công ty năm 2013, Đại hội sẽ bầu cử HĐQT và Ban kiểm soát nhiệm kỳ mới 2013-2018.

3. Ngành nghề và địa bàn kinh doanh:

a. Ngành nghề kinh doanh chủ yếu của Công ty :

- Sản xuất, kinh doanh sản phẩm bê tông công nghiệp;

- Vận tải hàng hóa đường bộ;

- Sản xuất, kinh doanh vật liệu xây dựng;
- Sản xuất, kinh doanh sản phẩm cơ khí;

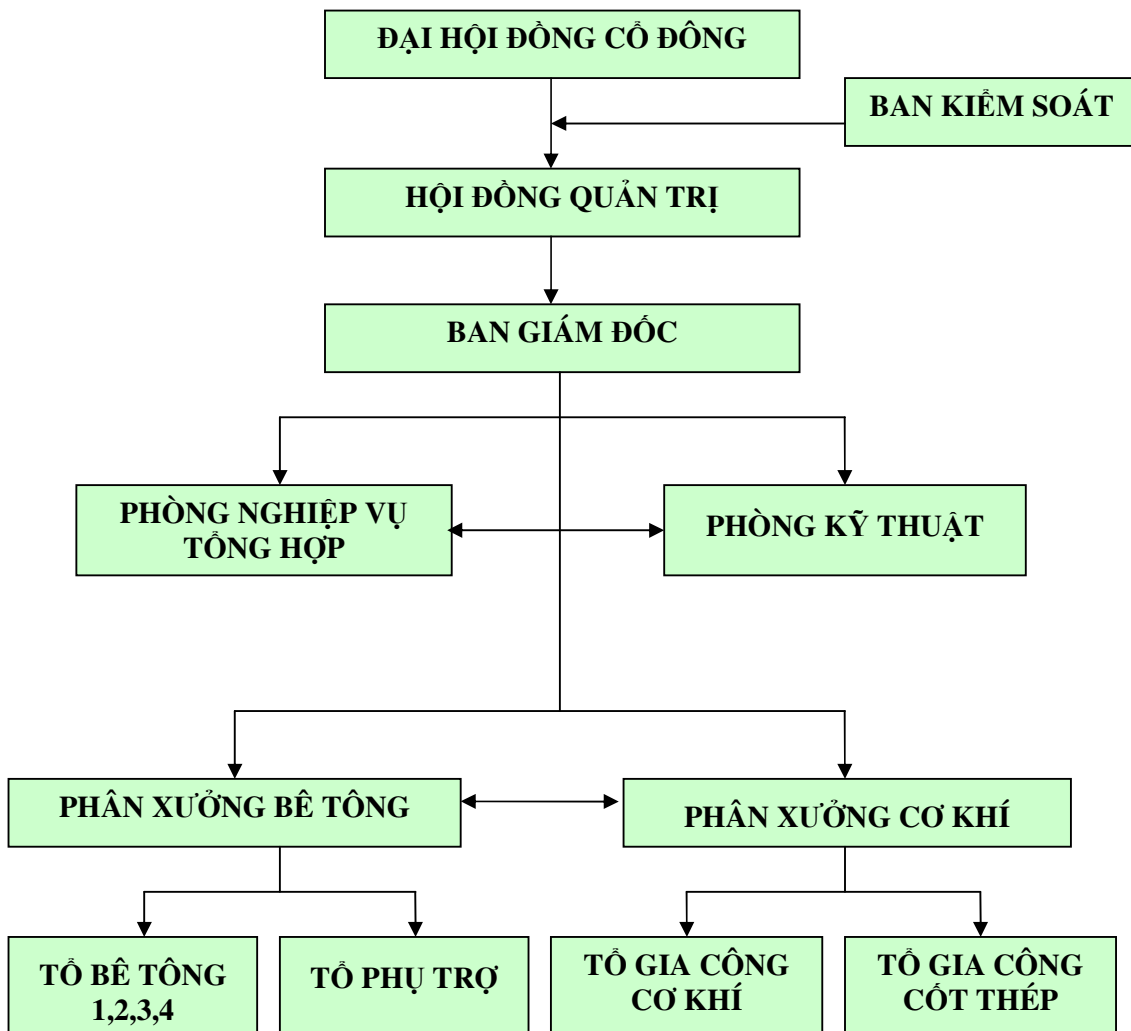
b. Địa bàn kinh doanh:

- Chủ yếu là cung cấp sản phẩm cho các công trình của TP. Nha Trang và TP. Cam Ranh – tỉnh Khánh Hòa. Ngoài ra Công ty có cung cấp sản phẩm cho một số huyện, tỉnh lân cận như:
 - Huyện Diên Khánh – Khánh Hòa
 - Huyện Ninh Hòa – Khánh Hòa
 - Tỉnh Ninh Thuận
 - Tỉnh Phú Yên
 - Tỉnh Đăklăk

4. Thông tin về mô hình quản trị, tổ chức kinh doanh và bộ máy quản lý:

4.1 Cơ cấu tổ chức của công ty

**SƠ ĐỒ TỔ CHỨC CỦA CÔNG TY CỔ PHẦN
BÊ TÔNG LY TÂM ĐIỆN LỰC KHÁNH HÒA**



4.2 Cơ cấu bộ máy quản lý

***Đại hội đồng cổ đông**

ĐHĐCĐ gồm tất cả các cổ đông có quyền biểu quyết, là cơ quan quyết định cao nhất của Công ty theo Luật Doanh nghiệp và Điều lệ Công ty. ĐHĐCĐ có nhiệm vụ và quyền hạn:

- Thảo luận và thông qua Báo cáo tài chính kiểm toán hàng năm, Báo cáo của Ban kiểm soát, Báo cáo của Hội đồng quản trị;
- Thông qua Kế hoạch phát triển ngắn hạn và dài hạn của Công ty;
- Thông qua mức chi trả cổ tức, số lượng thành viên của Hội đồng quản trị, lựa chọn công ty kiểm toán;
- Bầu, bãi nhiệm và thay thế thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát và phê chuẩn việc Hội đồng quản trị bổ nhiệm Giám đốc;
- Xem xét và xử lý các vi phạm của Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát gây thiệt hại cho công ty và cổ đông công ty;
- Bổ sung và sửa đổi điều lệ công ty;
- Và một số nhiệm vụ khác được quy định trong Điều lệ Công ty.

***Hội đồng quản trị**

Hội đồng quản trị là cơ quan quản lý công ty, có toàn quyền nhân danh công ty để quyết định, thực hiện các quyền và nghĩa vụ của công ty không thuộc thẩm quyền của Đại hội đồng cổ đông. Hội đồng quản trị có những quyền hạn và nhiệm vụ sau :

- Quyết định kế hoạch phát triển sản xuất kinh doanh và ngân sách hàng năm;
- Xác định các mục tiêu hoạt động trên cơ sở các mục tiêu chiến lược được Đại hội đồng cổ đông thông qua;
- Quyết định cơ cấu tổ chức của Công ty;
- Giải quyết các khiếu nại của Công ty đối với cán bộ quản lý, cũng như quyết định lựa chọn đại diện của Công ty để giải quyết các vấn đề liên quan tới các thủ tục pháp lý chống lại cán bộ quản lý đó;
- Đề xuất các loại cổ phiếu có thể phát hành, chào bán trái phiếu, cổ phiếu; bổ nhiệm, cách chức các cán bộ;
- Đề xuất mức cổ tức hàng năm và xác định mức cổ tức tạm thời, tổ chức việc chi trả cổ tức;
- Đề xuất việc tái cơ cấu hoặc giải thể Công ty ;
- Kiến nghị phương án xử lý lỗ trong kinh doanh.

***Ban kiểm soát :**

Ban kiểm soát sẽ có quyền hạn và trách nhiệm theo quy định tại Điều 123 của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ Công ty, chủ yếu là những quyền hạn và trách nhiệm sau đây:

- Đề xuất lựa chọn công ty kiểm toán độc lập, mức phí kiểm toán và mọi vấn đề liên quan đến sự rút lui hay bãi nhiệm của công ty kiểm toán độc lập;
- Thảo luận với kiểm toán viên độc lập về tính chất và phạm vi kiểm toán trước khi bắt đầu việc kiểm toán;

- Xin ý kiến tư vấn chuyên nghiệp độc lập hoặc tư vấn về pháp lý và đảm bảo sự tham gia của những chuyên gia bên ngoài công ty với kinh nghiệm trình độ chuyên môn phù hợp vào công việc của công ty nếu thấy cần thiết;

- Kiểm tra các báo cáo tài chính hàng năm, sáu tháng và hàng quý trước khi đệ trình Hội đồng quản trị;

- Thảo luận về những vấn đề khó khăn và tồn tại phát hiện từ các kết quả kiểm toán giữa kỳ hoặc cuối kỳ cũng như mọi vấn đề mà kiểm toán viên độc lập muốn bàn bạc;

- Xem xét thư quản lý của kiểm toán viên độc lập và ý kiến phản hồi của ban quản lý công ty;

- Xem xét báo cáo của công ty về các hệ thống kiểm soát nội bộ trước khi Hội đồng quản trị chấp thuận;

- Xem xét những kết quả điều tra nội bộ và ý kiến phản hồi của ban quản lý.

***Ban Giám đốc**

Ban Giám đốc do HĐQT bổ nhiệm, có các nhiệm vụ và quyền hạn sau :

- Điều hành chung toàn bộ hoạt động của Công ty;
- Chỉ đạo công tác kế hoạch sản xuất, cung ứng sản phẩm;
- Chỉ đạo công tác tổ chức nhân sự, công tác thanh tra, thi đua – khen thưởng;
- Chỉ đạo công tác lao động – tiền lương, tuyển dụng lao động;
- Chỉ đạo công tác tài chính – kế toán, kế hoạch vốn, theo dõi cổ đông;
- Chỉ đạo công tác kinh doanh – đối ngoại, nguồn khách hàng;
- Chỉ đạo công tác quản lý kỹ thuật, kế hoạch vật tư;
- Chỉ đạo công tác soạn thảo, ban hành văn bản, quy định, quy chế trong Công ty.

***Các phòng ban trong Công ty**

Các phòng ban trong công ty thực hiện các công việc chức năng nhằm đảm bảo cho việc quản lý, tổ chức và điều hành hoạt động sản xuất kinh doanh của Ban Giám đốc được hiệu quả và đúng pháp luật. Cụ thể:

a. Phòng Nghiệp vụ tổng hợp

- Thực hiện công tác kế toán – tài chính
- Thực hiện công tác Tổ chức – hành chính – văn thư, lao động – tiền lương;
- Thực hiện công tác kinh doanh, đối ngoại, nguồn khách hàng;
- Thực hiện công tác thống kê – kế hoạch - vật tư;
- Thực hiện công tác soạn thảo văn bản liên quan đến công tác nói trên.

b. Phòng Kỹ thuật

- Thực hiện công tác quản lý kỹ thuật, định mức vật tư – kỹ thuật;
- Phối hợp với tổ gia công cơ khí thực hiện Bảo dưỡng, sửa chữa thiết bị máy móc;
- Thực hiện công tác kiểm soát, quản lý kỹ thuật sản xuất;
- Thực hiện công tác quản lý chất lượng sản phẩm;
- Thực hiện công tác an toàn – Bảo hộ lao động;

- Thực hiện công tác soạn thảo văn bản liên quan đến các công tác trên.

c. Khối sản xuất

Khối sản xuất bao gồm hai phân xưởng: Phân xưởng bê tông và Phân xưởng cơ khí.

***Phân xưởng bê tông** gồm các tổ:

Tổ bê tông gồm:

- + Bộ phận tháo sản phẩm, chuẩn bị khuôn
- + Bộ phận đặt cốt thép, nạp bê tông, lắp khuôn.
- + Bộ phận chuẩn bị nguyên vật liệu, xi măng, cát, đá
- + Bộ phận vận hành thiết bị: dàn quay ly tâm, trạm trộn, máy căng thép.

Tổ phụ trợ gồm:

- + Bộ phận vận hành cầu trục, công trục
- + Bộ phận vận hành nồi hơi – công tác sấy sản phẩm
- + Bộ phận hoàn thiện sản phẩm, xử lý khuyết tật
- + Bộ phận sắp xếp bãi, bốc dỡ sản phẩm.

***Phân xưởng cơ khí** gồm các tổ:

Tổ cốt thép gồm:

- + Bộ phận sản xuất cốt thép cột điện
- + Bộ phận sản xuất cốt thép, cọc cừ
- + Bộ phận sản xuất cốt thép ống cống
- + Bộ phận sản xuất cốt thép cho các loại cấu kiện khác.
- + Bộ phận vận hành thiết bị: máy cắt dự ứng lực, máy căng thép dự ứng lực.

Tổ gia công cơ khí, sửa chữa gồm:

+ Bộ phận vận hành thiết bị: máy tiện, máy phay, các máy công cụ khác. Gia công các chi tiết cấu kiện cho sản xuất: mặt bích cọc cừ.... Chế tạo các chi tiết cấu kiện thay thế định kỳ: các mặt bích căng, tay trộn....

+ Bộ phận kiểm tra – sửa chữa thiết bị máy móc cơ khí, sửa chữa khuôn đúc.

+ Bộ phận kiểm tra – sửa chữa thiết bị điện.

5. Định hướng phát triển:

Mục tiêu của Công ty :

- **Mục tiêu trước mắt** : Trong thời gian hai năm tới, mục tiêu trước mắt của Công ty là giữ vững thị phần trong khu vực trước áp lực cạnh tranh của các doanh nghiệp cùng có sản phẩm tương tự; Tổ chức tốt sản xuất để đạt tới năng suất thiết kế của nhà máy; Đảm bảo sự ổn định của chất lượng sản phẩm; Đảm bảo công ăn việc làm và thu nhập cho người lao động.

- **Mục tiêu lâu dài** : Thực hiện tốt công tác Marketing, tiếp thu và áp dụng công nghệ mới, mở rộng thị trường và chủng loại sản phẩm, tổ chức tốt công tác sản xuấtđể Công ty luôn khẳng định vị thế Doanh nghiệp hàng đầu về sản xuất, cung ứng sản phẩm bê tông ly tâm trong khu vực Nam trung bộ và Tây Nguyên. Đầu tư mở rộng, tăng năng lực sản xuất, chủng loại sản phẩm; mở rộng ngành nghề kinh doanh; Xây dựng Công ty phát triển bền vững.

- **Chiến lược phát triển** : Trong thời gian tới Công ty tận dụng và phát huy tối đa các lợi thế sẵn có trong kinh doanh của Công ty ; Giữ vững chất lượng sản phẩm, tăng năng suất lao động, giảm chi phí trong sản xuất; Tăng doanh thu những mặt hàng có tính chủ lực, mở rộng thị trường và chủng loại sản phẩm. Tích cực quan hệ, hợp tác với các đối tác để nắm bắt, tiếp thu, áp dụng công nghệ mới, từng bước đầu tư nghiên cứu chế tạo và ứng dụng sản phẩm mới trong lĩnh vực vật liệu và sản phẩm xây dựng. Nghiên cứu, tiến tới tham gia hoạt động xây lắp và dịch vụ nhằm quảng bá sản phẩm, tạo uy tín cho Công ty, giảm rủi ro trong kinh doanh và hỗ trợ tạo điều kiện cho sản xuất công nghiệp.

Ban lãnh đạo Công ty luôn xác định nhân lực là một trong những yếu tố quan trọng quyết định cho sự thành công của Doanh nghiệp. Công ty sẽ tạo mọi điều kiện thuận lợi để người lao động phát huy năng lực cũng như có điều kiện thường xuyên trau dồi, nâng cao trình độ chuyên môn của mình. Công ty có kế hoạch cử cán bộ chủ chốt, cán bộ quản lý cấp trung, chuyên viên tham gia các lớp học quản lý phù hợp với nhiệm vụ và khả năng phát triển trong hoạt động chung của toàn Công ty.

Trong các cách để tạo ra năng lực cạnh tranh, Công ty xác định lợi thế thông qua con người được xem là yếu tố căn bản, trình độ công nghệ cao trong khu vực cùng mức độ đồng bộ của dây chuyền sản xuất đảm bảo chất lượng sản phẩm cao, ổn định và chính sách kinh doanh tốt là yếu tố chính quyết định lợi thế cạnh tranh của Công ty trong khu vực Nam trung bộ và tây Nguyên. Kết hợp giữa chiến lược dẫn đạo chi phí và chiến lược cạnh tranh bằng sự khác biệt đối với từng nhóm sản phẩm, từng dự án, từng giai đoạn phát triển của Công ty.

6. Các rủi ro:

6.1. Rủi ro kinh tế

Năm 2014, nền kinh tế Việt Nam sẽ còn khó khăn cùng những tồn tại của những năm trước. Công ty Cổ phần Bê tông ly tâm Điện lực Khánh Hòa, với các sản phẩm gắn liền với việc phát triển cơ sở hạ tầng của nền kinh tế, sẽ phụ thuộc tương đối chặt chẽ vào tốc độ tăng trưởng, mức độ đầu tư cơ sở hạ tầng của các khu vực kinh tế. Do đó, triển vọng tăng trưởng lạc quan của nền kinh tế hứa hẹn mang lại nhiều thuận lợi cho hoạt động sản xuất kinh doanh của công ty.

6.2. Rủi ro về luật pháp

Là doanh nghiệp hoạt động theo hình thức công ty cổ phần, hoạt động kinh doanh của Công ty chịu ảnh hưởng của các văn bản pháp luật về Luật doanh nghiệp, các văn bản pháp luật về chứng khoán và thị trường chứng khoán. Việt Nam là một nước đang phát triển. Do đó, Luật và các văn bản dưới luật ở giai đoạn này đang trong quá trình hoàn thiện. Sự thay đổi về chính sách có thể xảy ra và khi xảy ra sẽ ít nhiều ảnh hưởng đến tình hình hoạt động kinh doanh của Công ty.

6.3. Rủi ro đặc thù

Là doanh nghiệp sản xuất sản phẩm bê tông công nghiệp, chi phí nguyên vật liệu đầu vào là rất lớn. Bên cạnh đó, giá cả nguyên vật liệu trên thị trường thường xuyên có sự biến động gây ra những tác động không nhỏ đến hoạt động sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp. Với đặc thù của ngành như vậy, nên Công ty rất quan tâm và cẩn trọng trong ký kết các hợp đồng cung ứng nguyên vật liệu dài hạn để giảm thiểu những thiệt hại do biến động giá gây ra.

Với vai trò là nhà sản xuất sản phẩm bê tông phục vụ cho nhiều đơn vị xây lắp, thi công với các dự án có thời hạn kéo dài thì việc thu hồi nợ từ những hợp đồng xây dựng này phải mất rất nhiều thời gian, phần nào ảnh hưởng đến tình hình tài chính của Công ty, đặc biệt là tình hình công nợ phải thu cũng như dòng tiền hoạt động. Tuy nhiên, do không phải là nhà thầu chính nên Công ty có thể giảm thiểu được rủi ro này bằng cách cố gắng theo dõi sát sao và đốc

thúc việc thu hồi công nợ đồng thời vẫn duy trì mối quan hệ hợp tác lâu dài với các đối tác của Công ty.

Sự phát triển kinh tế luôn đi đôi với các khoản đầu tư lớn vào cơ sở hạ tầng, dẫn đến việc tiêu thụ một lượng lớn các sản phẩm bê tông ly tâm. Điều này sẽ làm cho lĩnh vực sản xuất bê tông ly tâm trở thành một thị trường hấp dẫn thu hút nhiều doanh nghiệp tham gia, gây sức ép cạnh tranh đối với Công ty.

6.4. Rủi ro khác

Công ty còn có thể chịu những rủi ro khác như các yếu tố vĩ mô của nền kinh tế như lạm phát, thay đổi lãi suất v.v... Ngoài ra, còn có một số rủi ro mang tính bất khả kháng ít có khả năng xảy ra nhưng nếu xảy ra sẽ ảnh hưởng đến Công ty như các hiện tượng thiên tai (*hạn hán, bão lụt, động đất...*), chiến tranh hay dịch bệnh hiểm nghèo...

II. TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG TRONG NĂM:

1. Tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh:

STT	Chỉ tiêu	Kế hoạch 2013	Thực hiện 2013	Tỷ lệ
1	Doanh thu thuần	35.000.000.000	41.424.517.376	118,36%
2	Lợi nhuận sau thuế	1.938.750.000	2.112.700.057	108,97%
3	Mức chia cổ tức (<i>dự kiến</i>)	9 %	9 %	100 %

Đánh giá chung về kết quả SXKD năm 2013 cho thấy:

+ **Doanh thu thuần** thực hiện năm 2013 so với năm 2012: tăng 10.741.344.112 đồng tương đương tăng 35% và **tăng 18,36% so với kế hoạch.**

+ **Lợi nhuận sau thuế** năm 2013 so với năm 2012 : tăng 1.399.359.485 đồng, tương đương tăng 196,17% và **tăng 8,97% so với kế hoạch.**

* **Phân tích nguyên nhân kết quả sản xuất kinh doanh tăng :**

- Trong năm 2013, tình hình sản xuất kinh doanh của các doanh nghiệp nói chung vẫn còn gặp nhiều khó khăn nhất là 2 quý đầu năm 2013. *Cụ thể :*

Doanh thu Quý 1: 5.138.110.675 đồng, Lợi nhuận sau thuế Quý 1 : âm (43.268.625) đồng;

Doanh thu Quý 2: 10.887.989.357 đồng, Lợi nhuận sau thuế Quý 2 : 666.305.111 đồng;

- Đến Quý 3, Quý 4 năm 2013, tình hình sản xuất kinh doanh có sự thay đổi khởi sắc, Công ty đã ký kết được một số hợp đồng cung cấp ống cống cho các công trình Khu dân cư tại huyện Đông Hòa - Tỉnh Phú Yên, và công trình nhà máy nhiệt điện Vĩnh Tân – tỉnh Ninh Thuận, đến Quý 4 năm 2013 các công trình trên địa bàn tỉnh Khánh Hòa được khởi khai trở lại, đặc biệt Công ty cũng đã ký kết một số hợp đồng cung cấp ống cống và trụ điện cho dự án sửa chữa Quốc lộ 1 của Tỉnh.

- Theo các chỉ tiêu BCTC năm 2013:

+ Chi phí bán hàng tăng cao so với những năm trước: nguyên nhân - *trong tổng chi phí bán hàng năm 2013: chi phí vận chuyển chiếm 61,26% (2.213.315.971 đồng); chi phí hoa hồng bán hàng chiếm 36,6% (1.322.370.282 đồng).* Thứ nhất do phải vận chuyển hàng cho khách hàng ra ngoài tỉnh chiếm số lượng lớn : Phú Yên, Ninh Thuận, Bình Thuận..., thứ hai do nhu cầu thực tế của thị trường, sự cạnh tranh diễn ra gay gắt với các nhà cung cấp trên địa bàn cũng như các tỉnh phía Nam Công ty phải chi các khoản hoa hồng cho

khách hàng nhằm thu hút khách hàng, chiếm được thị phần để ký kết hợp đồng cung cấp sản phẩm cho các dự án.

- + Chi phí quản lý doanh nghiệp so với những năm trước : Nguyên nhân năm 2013 : kết quả sản xuất kinh doanh tốt hơn mọi năm, Công ty quyết định trích khoản dự phòng nợ khó đòi là : 1.483.329.235đồng chiếm 51,39% trong tổng chi phí QLDN năm 2013.

2. Tổ chức và nhân sự :

* *Danh sách ban điều hành Công ty :*

STT	HỌ VÀ TÊN	CHỨC VỤ	NGÀY BỔ NHIỆM
I	HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ		
01	Nguyễn Cao Ký	Chủ tịch HĐQT	18/04/2013
02	Nguyễn Phước Vĩnh Khải	Thành viên HĐQT, Giám đốc Công ty	18/04/2013 20/4/2013
03	Lê Duy Cửu	Thành viên HĐQT	18/04/2013
II	BAN KIỂM SOÁT		
01	Nguyễn Thanh Gần Em	Trưởng Ban kiểm soát	18/4/2013
02	Phan Thị Vân Hà	Thành viên BKS	18/4/2013
03	Phan Thị Thanh Lý	Thành viên BKS	18/4/2013
III	BAN GIÁM ĐỐC		
01	Nguyễn Thanh Hải	Phó giám đốc	22/4/2013
02	Võ Trị	Kế toán trưởng	22/4/2013

* *Tóm tắt lý lịch Ban điều hành:*

1. Ông : Nguyễn Cao Ký – Chủ tịch HĐQT

- Họ và tên : NGUYỄN CAO KÝ
- Số CMND : 220600532 do Công an Khánh Hòa cấp ngày 29/03/2008
- Giới tính : Nam
- Ngày sinh : 20/03/1966
- Nơi sinh : Hà Nội
- Quốc tịch : Việt Nam
- Dân tộc : Kinh
- Quê quán : Khánh Hòa
- Địa chỉ thường trú : 36 Hồng Lĩnh – Tp. Nha Trang – Tỉnh Khánh Hòa
- Số điện thoại liên lạc : 0962.516.666
- Trình độ văn hóa : 12/12

Trình độ chuyên môn: Thạc sỹ ngành Hệ thống điện; Cử nhân Anh văn

- Quá trình công tác:
 - + Tháng 09/1984 – 09/1989 : Sinh viên Khoa điện Trường ĐH Bách khoa Tp. HCM.
 - + Tháng 03/1990 – 06/1990 : Cán bộ kỹ thuật Sở Điện lực Khánh Hòa.
 - + Tháng 06/1990 – 09/1992 : Cán bộ kỹ thuật Sở Truyền tải điện 2.
 - + Tháng 09/1992 – 01/1994 : Cán bộ kỹ thuật Sở điện lực Khánh Hòa.
 - + Tháng 01/1994 – 11/1995 : Điều độ viên Công ty Điện lực 3.
 - + Tháng 11/1995 – 01/1998 : Cán bộ kiểm tra sử dụng điện lực Khánh Hòa.
 - + Tháng 02/1998 – 12/2000 : Trưởng ban quản lý điện nông thôn Điện lực Khánh Hòa.
 - + Tháng 01/2001 – 06/2005 : Trưởng chi nhánh điện Vĩnh Hải – Điện lực Khánh Hòa.
 - + Tháng 07/2005 – 12/2006 : Trưởng chi nhánh điện Vĩnh Hải – Cty Cp Điện lực Khánh Hòa.
 - + Tháng 01/2007 – 05/2007 : Trưởng phòng kỹ thuật Công ty CP Điện lực Khánh Hòa.
 - + Tháng 01/06/2007 – nay : Phó tổng Giám đốc Công ty CP Điện lực Khánh Hòa.
- Chức vụ công tác hiện nay tại tổ chức đăng ký giao dịch: Chủ tịch HĐQT KPCECO
- Chức vụ đang nắm giữ ở các tổ chức khác:
 - + Phó tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Điện lực Khánh Hòa
 - + Chủ tịch HĐQT Công ty CP Thủy Điện Sông Chò
 - Số cổ phần nắm giữ và được ủy quyền: 467.990 cổ phần, trong đó:
 - + Cá nhân : 2.990 cổ phần
 - + Ủy quyền : 465.000 cổ phần (Công ty Cổ phần Điện lực Khánh Hòa)

2. Ông Nguyễn Phước Vĩnh Khải – Thành viên HĐQT - Kiêm Giám đốc Công ty

- Họ và tên : **NGUYỄN PHƯỚC VĨNH KHẢI**
- Số CMND : 220014076 do Công an Tỉnh Khánh Hòa cấp ngày 10/01/2009
- Giới tính : Nam
- Ngày sinh : 17/05/1959
- Nơi sinh : Thừa Thiên Huế
- Quốc tịch : Việt Nam
- Dân tộc : Kinh
- Quê quán : Thừa Thiên Huế
- Địa chỉ thường trú : 34/2 Nguyễn Thiện Thuật, TP.Nha Trang, Tỉnh Khánh Hòa
- Số điện thoại liên lạc : (058) 370 6632
- Trình độ văn hóa : 12/12
- Trình độ chuyên môn:
 - + Trung cấp chuyên ngành Kỹ thuật điện Trường Đào tạo Điện lực Khánh Hòa.
- Quá trình công tác:

- + Năm 1977 – năm 1981 : Học viên Sở Quản lý và Phân phối điện;
- + Năm 1981 – năm 1994 : Tổ phó tổ gia công cơ khí PX. Cơ điện – Điện lực Khánh Hòa.
- + Năm 1995 – năm 2005 : Quản đốc PX. Bê tông ly tâm – Điện lực Khánh Hòa.
- + Năm 2006 – năm 2008 : Phó Giám Đốc Xí nghiệp xây lắp tại Công ty Cổ phần Điện lực Khánh Hòa;
- + Năm 2008 – nay : Giám đốc Công ty Cổ phần Bê tông ly tâm Điện lực Khánh Hòa.
- Chức vụ công tác hiện nay tại tổ chức đăng ký giao dịch: Thành viên HĐQT kiêm Giám đốc KPCECO
- Chức vụ đang nắm giữ ở các tổ chức khác: Không có
- Số cổ phần nắm giữ và được ủy quyền: 15.190 cổ phần, trong đó:
 - + Cá nhân : 15.190 cổ phần
 - + Ủy quyền : 0 cổ phần

3. Ông Lê Duy Cửu – Thành viên HĐQT

- Họ và tên : **LÊ DUY CỬU**
- Số CMND : 361590767 do Công an TP. Cần Thơ cấp ngày 31/07/2006
- Giới tính : Nam
- Ngày sinh : 08/12/1976
- Nơi sinh : Cần Thơ
- Quốc tịch : Việt Nam
- Dân tộc : Kinh
- Quê quán : xã Vĩnh Trinh, huyện Vĩnh Thạnh, TP. Cần Thơ
- Địa chỉ thường trú : Ấp Vĩnh Lân, xã Vĩnh Trinh, huyện Vĩnh Thạnh, TP. Cần Thơ
- Số điện thoại liên lạc : (076) 393 1184
- Trình độ văn hóa : 12/12
- Trình độ chuyên môn:
 - + Cử nhân Kinh tế chuyên ngành Quản trị kinh doanh Trường Đại học Cần Thơ.
- Quá trình công tác:
 - + Năm 1999 – năm 2000: Nhân viên Công ty Mía Đường Cần Thơ;
 - + Năm 2001 – 08/2003 : Nhân viên Xí nghiệp Bê tông ly tâm An Giang;
 - + 09/2003 – 10/2003 : Nhân viên Công ty Cổ Bê tông ly tâm An Giang;
 - + Năm 2003 – năm 2005 : Phó Trưởng phòng Kinh doanh Công ty Cổ phần Bê tông ly tâm An Giang;
 - + Năm 2005 – năm 2007 : Trưởng phòng Kinh doanh Công ty Cổ phần Bê tông ly tâm An Giang;

+ Năm 2008 – nay : Phó Giám đốc Công ty Cổ phần Bê tông ly tâm An Giang.

- Chức vụ công tác hiện nay tại tổ chức đăng ký giao dịch: Thành viên HĐQT KPCECO
- Chức vụ đang nắm giữ ở các tổ chức khác: Phó Giám đốc Công ty Cổ phần Bê tông ly tâm An Giang.
- Số cổ phần nắm giữ và được ủy quyền: 420.000 cổ phần, trong đó:
 - + Cá nhân : 30.000 cổ phần
 - + Ủy quyền : 390.000 cổ phần (Công ty Cổ phần Bê tông ly tâm An Giang)

4. Ông Nguyễn Thanh Hải – Phó Giám đốc Công ty

- Họ và tên : **NGUYỄN THANH HẢI**
- Số CMND : 220253537 do Công an TP. HCM cấp ngày 06/05/2009
- Giới tính : Nam
- Ngày sinh : 28/07/1962
- Nơi sinh : TP. HCM
- Quốc tịch : Việt Nam
- Dân tộc : Kinh
- Quê quán : Nha Trang – Khánh Hòa
- Địa chỉ thường trú : 152/3 Hương Lộ Ngọc Hiệp, TP. Nha Trang, Tỉnh Khánh Hòa
- Số điện thoại liên lạc : (058) 3.727.626
- Trình độ văn hóa : 12/12
- Trình độ chuyên môn:
 - + Đại học chuyên ngành cơ khí nông nghiệp trường Đại học Nông nghiệp IV;
 - + Chứng chỉ đào tạo Anh văn TM BEC 1 trung tâm ngoại ngữ Hàn Thuyên;
 - + Chứng chỉ đào tạo Tin học lập trình Tin học SaMis
- Quá trình công tác:
 - + Năm 1985 – năm 1992 : Nhân viên Xí nghiệp cơ khí tàu thuyền Cam Ranh;
 - + Năm 1992 – năm 1995 : CBKT phân xưởng cơ điện – Điện lực Khánh Hòa.
 - + Năm 1996 – năm 2005 : CBKT – P.Quản đốc xưởng SX BTLT thuộc đội XL Điện – Điện lực Khánh Hòa.
 - + Năm 2006 – năm 2008 : P.Quản đốc PX. BTLT – Điện lực Khánh Hòa.
 - + Năm 2008 – năm 2009 : Quản đốc PX.BTLT - Xí nghiệp xây lắp Công Nghiệp - Công ty Cổ phần Điện lực Khánh Hòa ;
 - + Năm 2009 – nay : Phó Giám đốc Công ty cổ phần Bê tông ly tâm Điện lực Khánh Hòa

- Chức vụ công tác hiện nay tại tổ chức đăng ký giao dịch: Phó Giám đốc KPCECO
- Chức vụ đang nắm giữ ở các tổ chức khác: Không
- Số cổ phần nắm giữ và được ủy quyền: 3.100 cổ phần, trong đó:
 - + Cá nhân : 3.100 cổ phần
 - + Ủy quyền : 0 cổ phần

5. Ông Võ Trị - Kế toán trưởng Công ty

- Họ và tên : **VÕ TRỊ**
- Số CMND : 220094623 do Công an tỉnh Khánh Hòa cấp ngày 18/06/2008
- Giới tính : Nam
- Ngày sinh : 16/12/1962
- Nơi sinh : Nha Trang – Khánh Hòa
- Quốc tịch : Việt Nam
- Dân tộc : Kinh
- Quê quán : Nha Trang – Khánh Hòa
- Địa chỉ thường trú : 34 Đường số 5, P. Vĩnh Hải, TP. Nha Trang, Tỉnh Khánh Hòa
- Số điện thoại liên lạc : (058) 222 0696
- Trình độ văn hóa : 12/12
- Trình độ chuyên môn:
 - + Cử nhân Kinh tế chuyên ngành Tài chính Xây dựng Cơ bản Trường Đại học Tài chính TP. HCM.
- Quá trình công tác:
 - + Năm 1988 – năm 1991 : Kế toán viên tổng hợp Xí nghiệp Cơ khí xăng dầu TP. Hồ Chí Minh;
 - + Năm 1991 – năm 1999 : Kế toán trưởng Công ty Xây lắp điện II – Xí nghiệp xây dựng;
 - + Năm 1999 – năm 2005 : Kế toán PX.BTLT – đội xây lắp điện – Điện lực Khánh Hòa.
 - + Năm 2006 – năm 2008 : Phụ trách Kế toán Xí nghiệp xây lắp điện Công ty Cổ phần Điện lực Khánh Hòa;
 - + Năm 2008 – nay : Kế toán trưởng Công ty Cổ phần Bê tông ly tâm Điện lực Khánh Hòa.
- Chức vụ công tác hiện nay tại tổ chức đăng ký giao dịch: Kế toán trưởng KPCECO
- Chức vụ đang nắm giữ ở các tổ chức khác: Không
- Số cổ phần nắm giữ và được ủy quyền: 67.895 cổ phần, trong đó:
 - + Cá nhân : 67.895 cổ phần

+ Ủy quyền : 0 cổ phần

6. Ông : Nguyễn Thanh Gân Em – Trưởng Ban kiểm soát

- Họ và tên : **NGUYỄN THANH GÂN EM**
- Số CMND : 351098820 do Công an Tỉnh An Giang cấp ngày 17/03/2006
- Giới tính : Nam
- Ngày sinh : 10/01/1976
- Nơi sinh : An Giang
- Quốc tịch : Việt Nam
- Dân tộc : Kinh
- Quê quán : An Giang
- Địa chỉ thường trú : Ấp An Thạnh, xã Hòa Bình, huyện Chợ Mới, tỉnh An Giang
- Số điện thoại liên lạc : (076) 393 1183
- Trình độ văn hóa : 12/12
- Trình độ chuyên môn:
 - + Cử nhân kinh tế chuyên ngành Kế toán kiểm toán Trường Đại học Kinh Tế TP. HCM;
- Quá trình công tác:
 - + Năm 1998 – năm 1999 : Nhân viên Kế toán Xí nghiệp Bê tông ly tâm An Giang;
 - + Năm 1999 – năm 2000 : Kế toán tổng hợp Công ty liên doanh TNHH Bê tông ly tâm Kiên An;
 - + Năm 2001 – năm 2003 : Kế toán trưởng Công ty liên doanh TNHH Bê tông ly tâm Kiên An;
 - + Năm 2003 – năm 2004 : Phó phòng Kế toán Công ty Cổ phần Bê tông ly tâm An Giang;
 - + Năm 2004 – năm 2007 : Kế toán trưởng Công ty Cổ phần Bê tông ly tâm An Giang;
 - + Năm 2008 – nay : Phó Giám đốc tài chính kiêm Trưởng phòng Kế toán Công ty Cổ phần Bê tông ly tâm An Giang;
- Chức vụ công tác hiện nay tại tổ chức đăng ký giao dịch: Trưởng Ban kiểm soát KPCECO
- Chức vụ đang nắm giữ ở các tổ chức khác: Thành viên HĐQT kiêm Phó Giám đốc tài chính Công ty cổ phần Bê tông ly tâm An Giang.
- Số cổ phần nắm giữ và được ủy quyền: 13.000 cổ phần, trong đó:
 - + Cá nhân : 13.000 cổ phần
 - + Ủy quyền : 0 cổ phần

7. Bà Phan Thị Vân Hà – Thành viên Ban kiểm soát

- Họ và tên : **PHAN THỊ VÂN HÀ**
- Số CMND : 225117088 do Công an tỉnh Khánh Hòa cấp ngày 28/11/2009
- Giới tính : Nữ
- Ngày sinh : 21/10/1979
- Nơi sinh : Quảng Ninh
- Quốc tịch : Việt Nam
- Dân tộc : Kinh
- Quê quán : Đà Nẵng
- Địa chỉ thường trú : số 10 khu tập thể Bình Khê, Phước Tân, TP. Nha Trang, Tỉnh Khánh Hòa
- Số điện thoại liên lạc : (058) 246 1047
- Trình độ văn hóa : 12/12
- Trình độ chuyên môn:
 - + Cử nhân kinh tế chuyên ngành Kế toán Trường Đại học Kinh tế và Quản Trị Kinh Doanh Đà Nẵng.
- Quá trình công tác:
 - + Năm 2001 – nay: Chuyên viên kế toán Công ty cổ phần Điện lực KH
- Chức vụ công tác hiện nay tại tổ chức đăng ký giao dịch: Thành viên Ban kiểm soát.
- Chức vụ đang nắm giữ ở các tổ chức khác: Chuyên viên Tài chính – Kế toán Công ty Cổ phần Điện lực Khánh Hòa
- Số cổ phần nắm giữ và được ủy quyền: 0 cổ phần.

8. Bà Phan Thị Thanh Lý – Thành viên Ban kiểm soát

- Họ và tên : **PHAN THỊ THANH LÝ**
- Số CMND : 225252535 do Công an tỉnh Khánh Hòa cấp ngày 29/09/2012
- Giới tính : Nữ
- Ngày sinh : 20/01/1971
- Nơi sinh : Nha Trang – Khánh Hòa
- Quốc tịch : Việt Nam
- Dân tộc : Kinh
- Quê quán : Nha Trang – Khánh Hòa
- Địa chỉ thường trú : 222 Lô 53 Lê Hồng Phong – Tp. Nha Trang ,Tỉnh Khánh Hòa
- Số điện thoại liên lạc : 0982.858.070
- Trình độ văn hoá : 12/12

- Trình độ chuyên môn: Cử nhân kinh tế
- Quá trình công tác:
 - + Năm 1994 – tháng 10/2008 : Chuyên viên kế toán Công ty cổ phần Điện lực Khánh Hòa.
 - + Tháng 10/2008 – 03/2012 : Phó giám đốc TT Viễn thông – Công ty CP Điện lực Khánh Hòa.
 - + Tháng 03/2012 – nay : Phó phòng kế toán – Công ty cổ phần Điện lực Khánh Hòa.
- Chức vụ công tác hiện nay tại đơn vị đăng ký giao dịch: Thành viên Ban kiểm soát
- Chức vụ đang nắm giữ ở các tổ chức khác:
 - + Phó phòng kế toán – Công ty cổ phần Điện lực Khánh Hòa.
 - + Thành viên BKS – Công ty CP Đầu tư điện lực 3
- Số lượng cổ phiếu nắm giữ: 0 cổ phần

*** Những thay đổi trong ban điều hành :**

Stt	Thành viên HĐQT	Chức vụ	Lý do không tham dự
01	Ông Nguyễn Quang Tiến	Chủ tịch HĐQT	Hết nhiệm kỳ từ ngày 18/4/2013
02	Ông Nguyễn Cao Ký	Chủ tịch HĐQT	Nhiệm kỳ mới từ ngày 18/4/2013
03	Bà Hiệp Diệp Quyên	Thành viên BKS	Hết nhiệm kỳ từ ngày 18/4/2013
04	Bà Phan Thị Thanh Lý	Thành viên BKS	Nhiệm kỳ mới từ ngày 18/4/2013

*** Số lượng cán bộ, nhân viên và chính sách đối với người lao động:**

Tổng số cán bộ, nhân viên Công ty tính đến ngày 31/12/2013 là 99 người, trong đó :

STT	Phân loại lao động	Số người	Tỷ trọng (%)
I	Phân theo đối tượng lao động		
1	Lao động gián tiếp	17	17,17%
2	Lao động trực tiếp	82	82,83%
Tổng cộng		99	100%
II	Phân theo trình độ lao động		
1	Trình độ Đại học	07	7,07%
2	Trình độ Cao đẳng và Trung cấp	13	13,13%
3	Trình độ sơ cấp	04	4,04%
4	Công nhân có tay nghề	07	7,07%
5	Lao động phổ thông	68	68,69%
Tổng cộng		99	100%

Chế độ làm việc và chính sách lương, thưởng, trợ cấp cho người lao động:**+ Chế độ làm việc**

Công ty thực hiện chế độ làm việc cho người lao động là 8 giờ/ngày đối với bộ phận làm việc theo giờ hành chính hoặc 7 giờ/ca đối với bộ phận làm việc theo ca.

Hàng tuần CB - CNV được nghỉ 01 ngày trong tuần do trường đơn vị quy định. Tuy nhiên tùy theo đặc điểm, tình hình sản xuất kinh doanh của công ty mà trường đơn vị có thể yêu cầu CB - CNV trong đơn vị mình làm việc vào ngày nghỉ trong tuần và được tính lương theo qui định của bộ luật lao động.

Các chế độ nghỉ lễ, tết được Công ty giải quyết theo đúng quy định Nhà nước.

+ Chính sách lương, thưởng, trợ cấp

Căn cứ vào tình hình sản xuất kinh doanh và năng lực của người lao động, Công ty trả lương theo các hình thức: lương thời gian, lương sản phẩm và lương khoán công việc. Công ty thực hiện phân phối lương theo lao động: người làm công việc nào thì được trả lương theo công việc đó. Trường hợp người lao động làm thêm giờ hoặc làm đêm, Công ty thực hiện việc chi trả lương ngoài giờ theo đúng quy định của Bộ luật Lao động đã ban hành.

+ Chế độ phúc lợi

Các chế độ bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp được Công ty thực hiện đầy đủ cho người lao động thuộc diện bắt buộc đóng bảo hiểm xã hội. Đồng thời, Công ty cũng làm nghĩa vụ đóng bảo hiểm xã hội đầy đủ và đúng hạn cho các cơ quan bảo hiểm xã hội.

+ Chính sách đào tạo

Đa số công nhân lao động của Công ty thực hiện các công đoạn sản xuất từ dây chuyền thủ công chuyên sang thực hiện vận hành sản xuất trên dây chuyền cơ khí hóa công nghiệp. Vì vậy việc chuyển đổi, tiếp nhận và đào tạo, bồi dưỡng tay nghề cho công nhân là vấn đề được Công ty quan tâm hàng đầu.

Công ty sẽ tạo mọi điều kiện thuận lợi để người lao động phát huy năng lực cũng như thường xuyên trau dồi chuyên môn của mình. Nâng cao các kỹ năng thao tác cho công nhân trực tiếp sản xuất; Kỹ năng quản lý, vận hành thiết bị cho CBCNV thuộc các bộ phận trực tiếp đứng máy và kỹ năng, nghiệp vụ của CBCNV các bộ phận quản lý khác như kỹ thuật, vật tư, tài chính, tổ chức, kế hoạch sản xuất....

Đồng thời, Ban lãnh đạo Công ty sẽ xây dựng kế hoạch cử các cán bộ chủ chốt, cán bộ quản lý cấp trung, chuyên viên tham gia các lớp học quản lý phù hợp với nhiệm vụ và khả năng phát triển trong hoạt động chung của công ty.

3. Tình hình đầu tư, tình hình thực hiện các dự án :

TT	Hạng mục đầu tư	Kế hoạch	Thực hiện	TH/KH
01	Hoàn thiện và chế tạo lò hơi, đại tu lò hơi	600.000.000	242.690.000	40,45%

- Tình hình thực hiện đầu tư năm 2013 giảm so kế hoạch 59,55%. Năm 2014 Công ty chỉ thực hiện hạng mục hoàn thiện và chế tạo lò hơi và đại tu lò hơi.

4. Tình hình tài chính :**a. Tình hình tài chính:**

STT	Các chỉ tiêu chính	Năm 2012	Năm 2013	% tăng giảm
01	Tổng giá trị tài sản	39.892.369.547	39.316.116.864	98,56%
02	Doanh thu thuần	30.683.173.264	41.424.517.376	135,01%
03	Lợi nhuận từ hoạt động KD	776.466.687	2.897.400.570	373,15%
04	Lợi nhuận khác	11.322.939	-1.114.375	
05	Lợi nhuận trước thuế	787.789.626	2.896.286.195	367,65%
06	Lợi nhuận sau thuế	713.340.572	2.112.700.057	296,17%

b. Các chỉ tiêu tài chính chủ yếu :

TT	KHOẢN MỤC	ĐƠN VỊ	NĂM 2012	NĂM 2013	GHI CHÚ
I	Chỉ tiêu về khả năng thanh toán				
1	Hệ số thanh toán ngắn hạn (TSLĐ/Nợ ngắn hạn)	Lần	1,33	1,03	
2	Hệ số thanh toán nhanh ((TSLĐ – Hàng tồn kho)/Nợ ngắn hạn)	Lần	0,92	0,87	
II	Chỉ tiêu về cơ cấu nguồn vốn				
1	Hệ số nợ/Tổng tài sản	Lần	0,50	0,46	
2	Hệ số nợ/Vốn chủ sở hữu	Lần	0,99	0,85	
III	Chỉ tiêu về năng lực hoạt động				
1	Vòng quay hàng tồn kho (Giá vốn hàng bán/Hàng tồn kho bq)		7	10	
2	Doanh thu thuần/ Tổng tài sản		0,77	1,05	
IV	Chỉ tiêu về khả năng sinh lời				
1	Tỷ suất lợi nhuận/Doanh thu	%	2,3	5,2	
2	Tỷ suất lợi nhuận/ Vốn chủ sở hữu	%	3,6	9,9	
3	Tỷ suất lợi nhuận/Tổng tài sản	%	1,8	5,4	
4	Tỷ suất lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh/ Doanh thu thuần	%	2,6	6,99	

5. Cơ cấu cổ đông, thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu

a. Cổ phần :

Tổng số cổ phần theo từng loại : 1.500.000cổ phần, tất cả là cổ phần thường, không có cổ phần ưu đãi.

Số lượng cổ phần đang lưu hành theo từng loại : 1.500.000CP là cổ phần phổ thông.

b. Cơ cấu cổ đông:

STT	Cổ đông	Số lượng	Số Cổ phần	Tỷ lệ nắm giữ (%)
1	Tổ chức	2	855.000	57,00%
1.1	Công ty CP Điện lực Khánh Hòa	1	465.000	31,00%
1.2	Công ty CP bê tông ly tâm An giang	1	390.00	26,00%
2	Cá nhân	153	645.000	43,00%
2.1	Cổ đông là CBCNV trong Công ty	30	158.835	10,59%
2.2	Cổ đông là CBCNV Công ty CP BTLT An Giang	11	132.750	8,85%
2.3	Cổ đông là CBCNV Công ty CP Điện lực Khánh Hòa	88	182.555	12,17%
2.4	Cổ đông ngoài Công ty	24	170.860	11,39%
	Tổng cộng	155	1.500.000	100,00%

Các cổ đông của Công ty đều thuộc cổ đông cá nhân và tổ chức trong nước, không có cổ đông cá nhân và tổ chức nước ngoài.

c. Tình hình thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu : năm 2013 không có sự thay đổi nào

d. Giao dịch cổ phiếu quỹ : năm 2013 không có giao dịch nào.

e. Các chứng khoán khác : năm 2013 không có đợt phát hành nào.

III. BÁO CÁO VÀ ĐÁNH GIÁ CỦA BAN GIÁM ĐỐC

1. Đánh giá kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh :

Đánh giá chung về kết quả SXKD năm 2013: Doanh thu đạt 118,36% kế hoạch; Lợi nhuận đạt 108,97% kế hoạch. Là một hiệu quả đáng khích lệ và động viên cho hoạt động năm 2014.

Những yếu tố ảnh hưởng đến chỉ tiêu doanh thu và lợi nhuận năm 2013

- Trong năm 2013, tình hình sản xuất kinh doanh của các doanh nghiệp nói chung còn gặp nhiều khó khăn. Đối với KPCECO, các hợp đồng có giá trị tương đối lớn như cung cấp trụ điện BTLT cho Công ty CP Điện lực Khánh Hòa và một phần hợp đồng cung cấp ống cống BTLT cho Dự án vệ sinh môi trường Tp. Nha Trang đã được thực hiện từ cuối năm 2011 còn dở dang và một số hợp đồng của dự án khu tái định cư của xã Hòa Hiệp Nam - huyện Đông Hòa - Tỉnh Phú Yên đang được triển khai.

- Trên địa bàn tỉnh Khánh Hòa, đầu năm 2013, các dự án vẫn chưa được triển khai do không có nguồn vốn kéo dài đến hết Quý 2/2013 rất ít công trình được triển khai và khi có công trình thì sự cạnh tranh về giá cả sản phẩm giữa các đơn vị sản xuất cùng ngành diễn ra rất gay gắt. Để giành hợp đồng, giữ thị phần và tạo công ăn việc làm cho Người lao động nên Công ty buộc phải cạnh tranh mạnh hạ giá bán, ký kết một số hợp đồng có giá trị lớn có giá bán sát với giá vốn vì vậy sang đến quý 3/2013 Công ty đã ký kết được một số hợp đồng lớn.

+ Để thu hút khách hàng, các khoản chi phí bán hàng, chi hoa hồng bán hàng năm nay cũng tăng lên nhiều. Do vậy, tỷ suất lợi nhuận/ doanh thu chỉ chiếm 5,2%.

2. Tình hình tài chính :

a. Tình hình tài sản :

Năm 2013 về tình hình tài sản không ảnh hưởng đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh.

Năm 2013 có thực hiện đầu tư hạng mục : Hoàn thiện và chế tạo lò hơi, đại tu lò hơi để phục vụ cho việc sản xuất đạt hiệu quả hơn, đáp ứng nhu cầu của khách hàng.

Về nợ phải thu xấu : tính đến 31/12/2013 có 10(mười) đơn vị, sau khi xem xét bảng phân tích tuổi nợ. Công ty quyết định trích lập dự phòng nợ khó đòi năm 2013 cụ thể như sau:

STT	TÊN KHÁCH HÀNG	SỐ DƯ TẠI 31/12/2013	TỶ LỆ TRÍCH	SỐ TIỀN TRÍCH
01	Công ty TNHH MTV Điện tử Ngân Thanh	42.016.808	100%	42.016.808
02	Công ty CP Bất động sản Hà Quang	110.563.885	50%	55.281.943
03	Công ty TNHH XD Thịnh Hoàng	629.136.760	50%	314.568.380
04	Công ty TNHH TV Kiến trúc Xây dựng ADC	188.062.504	70%	131.643.753
05	Công ty CPĐT & X Hud 3	205.386.966	70%	143.770.876
06	Công ty CPĐT & X Hud 3	204.271.846	50%	102.135.923
07	Công ty CPĐT & X Hud 1.02	553.178.470	70%	387.224.929
08	Công ty CPĐT & XD Trí Nam Việt	38.091.973	100%	38.091.973
09	Công ty CPĐT & XD Hud 405 Bình Định	343.518.900	50%	171.759.450
10	Công ty CPĐT PT nhà & Đô thị Nha Trang	138.336.000	70%	96.835.200
	CỘNG	2.452.564.112		1.483.329.235

b. Tình hình nợ phải trả :

Năm 2013 tình hình nợ phải trả của Công ty không có vấn đề và biến động gì. Thực hiện nợ phải trả đúng thời hạn cam kết trong hợp đồng cho nhà cung cấp.

c. Kế hoạch phát triển trong tương lai:

Để thực hiện tốt kế hoạch năm 2014 và trong tương lai Công ty cần phát huy nội lực, góp phần hạn chế các tác động tiêu cực của các yếu tố khách quan Công ty cần thực hiện các giải pháp:

- Tổ chức tốt công tác sản xuất, điều chỉnh và bố trí dây chuyền sản xuất hợp lý để tăng năng suất lao động cũng như chất lượng sản phẩm, đáp ứng nhu cầu của thị trường trong từng giai đoạn.

- Tăng cường công tác quản trị công ty, tiết kiệm chi phí, nâng cao hiệu quả khai thác, sử dụng máy móc thiết bị đã đầu tư xây dựng.

- Quan tâm giải quyết nâng cao đời sống, tiền lương, thu nhập NLĐ. Có chế độ khen thưởng hợp lý, phù hợp với điều kiện kinh doanh của Công ty nhằm khuyến khích, động viên kịp thời đội ngũ CB CNV hoàn thành kế hoạch được giao.

- Bảo đảm an toàn lao động, thực hiện đầy đủ và nghiêm túc quy trình vận hành sản xuất, phòng chống cháy nổ, ngăn ngừa tai nạn lao động và rủi ro kinh doanh.

IV. ĐÁNH GIÁ CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VỀ HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY

Trong tình hình chung gặp nhiều khó khăn, HĐQT đã thường xuyên, sâu sát kiểm tra, bàn bạc, chỉ đạo Công ty giải quyết các vấn đề thuộc thẩm quyền HĐQT, các khó khăn vướng mắc trong công tác quản lý điều hành sản xuất kinh doanh và xây dựng Công ty.

Năm 2013, HĐQT Công ty cùng với sự nỗ lực của Ban giám đốc, đội ngũ cán bộ quản lý và sự góp sức của tập thể NLĐ Công ty đã tiếp tục tổ chức tương đối tốt công tác sản xuất kinh doanh sản phẩm BTLT trên cơ sở thiết bị, công cụ đã được đầu tư

Năm 2013 Ban giám đốc và các bộ phận quản lý Công ty đã nỗ lực, cố gắng để duy trì hoạt động sản xuất ổn định. Giám đốc Công ty đã thực hiện đúng các chức trách nhiệm vụ cũng như điều hành các công tác quản lý Công ty theo đúng các quy định pháp luật và Điều lệ Công ty.

HĐQT Công ty ghi nhận sự nỗ lực của Ban Giám đốc và sự đoàn kết, cố gắng của tất cả CBCNV toàn Công ty trong nhiệm kỳ qua đã cùng HĐQT hoàn thành công tác xây dựng Nhà máy sản xuất, xây dựng Công ty và tổ chức khá tốt công tác sản xuất trong giai đoạn cực kỳ khó khăn của nền kinh tế.

Năm 2014 là năm dự đoán tình hình kinh tế thế giới, trong nước và khu vực vẫn còn khó khăn. Nhu cầu sản phẩm biến động và phụ thuộc vào nhiều yếu tố chưa dự đoán hết được; áp lực về cạnh tranh, về thị phần và về vốn gia tăng lên hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty. Tuy nhiên thời gian gần đây Công ty đã ký kết được một số hợp đồng cung cấp sản phẩm cho dự án sửa chữa Quốc lộ 1 và đang tiếp tục thương thảo, tìm kiếm khách hàng, mở rộng thị trường để đảm bảo hoạt động SXKD trong năm 2014.

Năm 2014 Công ty tiếp tục tổ chức SXKD các sản phẩm truyền thống đáp ứng yêu cầu xây dựng cơ sở hạ tầng của thị trường địa phương và khu vực.

Trên địa bàn tỉnh Khánh Hòa một số dự án đang được triển khai và triển khai trở lại như :

- + Dự án cải tạo vệ sinh môi trường Tp. Nha Trang (*tiếp tục triển khai*)
- + Dự án xây dựng cơ sở hạ tầng tại Vùng 4 Hải quân và TP Cam Ranh.
- + Dự án cải tạo, sửa chữa Quốc lộ 1 đang thi công gấp rút.
- +.....

V. QUẢN TRỊ CÔNG TY

1. Hội đồng quản trị :

- a. Thành viên và cơ cấu của Hội đồng quản trị :

Hội đồng quản trị : có 3 thành viên trong đó 1 thành viên bên trong và 2 thành viên không điều hành. Cơ cấu gồm : 1 chủ tịch HĐQT và 2 thành viên HĐQT

STT	HỌ VÀ TÊN	CHỨC VỤ	TỶ LỆ SỞ HỮU CỔ PHẦN
01	Nguyễn Cao Ký	Chủ tịch HĐQT	31,2%
02	Nguyễn Phước Vĩnh Khải	Thành viên HĐQT, Giám đốc Công ty	1,01%
03	Lê Duy Cửu	Thành viên HĐQT	28%

* Ông Nguyễn Cao Ký là Thành viên không điều hành hiện đang là Phó tổng Giám đốc Công ty CP Điện lực Khánh Hòa kiêm Chủ tịch ĐQT Công ty CP Sông Chờ.

* Ông Lê Duy Cửu là Thành viên không điều hành hiện đang là thành viên HĐQT Công ty CP Bê tông ly tâm An Giang

b. Hội đồng quản trị của Công ty hiện chưa thành lập tiểu ban nào

c. Hoạt động của Hội đồng quản trị :

+ HĐQT hoạt động theo cơ chế tập trung dân chủ tuân theo pháp luật, điều lệ và các Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông, của HĐQT Công ty. Các thành viên HĐQT thực hiện chức trách nhiệm vụ theo quy chế hoạt động hiện hành.

+ Chỉ đạo việc ban hành các quy chế phục vụ công tác quản lý điều hành và đưa ra các chủ trương, định hướng cho hoạt động sản xuất của Công ty.

+ Chỉ đạo sắp xếp lại bộ máy tổ chức theo hướng tinh gọn, hiệu quả cùng với việc xây dựng lại định mức tiền lương hợp lý.

+ Giám sát, chỉ đạo Giám đốc và các cán bộ quản lý trong việc điều hành công việc kinh doanh cũng như giải quyết những khó khăn, tồn đọng của Công ty.

+ Chỉ đạo kịp thời trong việc đầu tư nâng cao năng lực sản xuất

+ Thực hiện các quyền và nhiệm vụ khác theo Quy định tại Điều lệ Công

Trong năm HĐQT Công ty đã tổ chức họp, trao đổi thảo luận bằng nhiều hình thức 08 lần, ban hành 06 Quyết định và 04 Nghị quyết để kịp thời lãnh đạo, chỉ đạo hoạt động của Công ty theo thẩm quyền. Các thành viên HĐQT với nhiệm vụ được phân công và với kinh nghiệm quản lý của mình đã có nhiều nỗ lực, đóng góp tích cực cho công tác quản lý điều hành công ty.

Năm 2013 Hội đồng quản trị đã thống nhất:

+ Tổ chức thành công Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2013.

+ Chi trả cổ tức năm 2012 cho cổ đông (tháng 09/2013)

2. Ban kiểm soát :

a. Thành viên và cơ cấu của Ban kiểm soát:

Ban kiểm soát : có 3 thành viên, 3 thành viên đều là thành viên bên ngoài (*thuộc 2 Công ty liên kết*). Cơ cấu gồm : 1 trưởng ban và 2 thành viên

STT	HỌ VÀ TÊN	CHỨC VỤ	TỶ LỆ SỞ HỮU CỔ PHẦN
-----	-----------	---------	----------------------

01	Nguyễn Thanh Gần Em	Trưởng Ban kiểm soát	0,87%
02	Phan Thị Vân Hà	Thành viên BKS	0
03	Phan Thị Thanh Lý	Thành viên BKS	0

b. Hoạt động của Ban kiểm soát :

Năm 2013 Ban kiểm soát đã phối hợp với Hội đồng quản trị và Ban giám đốc Công ty để có những ý kiến, đề xuất kịp thời trong việc quản lý cũng như các mặt hoạt động, tổ chức của Công ty. Đôn đốc kiểm tra các hoạt động về quản lý tài chính, tài sản và các công nợ của Công ty giúp Công ty hoạt động hiệu quả hơn.

Thực hiện chức năng và nhiệm vụ theo quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ Công ty. Ban kiểm soát kiểm tra, giám sát hoạt động của Hội đồng quản trị và Ban điều hành Công ty về việc chấp hành luật pháp, Điều lệ, Nghị quyết Đại hội cổ đông, Nghị quyết Hội đồng quản trị về chế độ thu, chi tài chính, chính sách người lao động, các định mức chi phí trong sản xuất kinh doanh và các hoạt động liên quan khác..... Ban kiểm soát còn tham gia các cuộc họp và góp ý với Hội đồng quản trị và ban điều hành Công ty về các vấn đề trên.

- Kế hoạch để tăng cường hiệu quả trong hoạt động quản trị công ty :

Để tăng cường hơn nữa hiệu quả trong hoạt động quản trị, Hội đồng quản trị và ban Giám đốc sẽ tập trung các kế hoạch sau :

+ Liên tục cập nhật, đổi mới, nhất là các quy chế nội bộ

+ Đào tạo về nghiệp vụ chuyên môn, quan tâm đến công tác đào tạo về kỹ năng quản lý cho các cấp quản lý Công ty

+ Thực hiện tốt các quy định về thưởng phạt để tạo động lực phát triển.

3. Các giao dịch, thù lao, các khoản lợi ích của Hội đồng quản trị, ban Giám đốc và Ban kiểm soát :

a. Lương, thưởng, thù lao, các khoản lợi ích :

STT	HỌ VÀ TÊN	CHỨC VỤ	TỔNG THU NHẬP NĂM 2013
01	Nguyễn Cao Ký	Chủ tịch HĐQT	36.000.000
02	Lê Duy Cửu	Thành viên HĐQT	24.000.000
03	Nguyễn Phước Vĩnh Khải	Thành viên HĐQT – Kiểm Giám đốc Cty	239.184.848
04	Nguyễn Thanh Hải	Phó Giám đốc Công ty	144.180.386
05	Võ Trị	Kế toán trưởng	143.565.001
06	Nguyễn Thanh Gần Em	Trưởng ban kiểm soát	24.000.000
07	Huỳnh Diệp Quyên	Thành viên ban kiểm soát	12.000.000
08	Phan Thị Vân Hà	Thành viên ban kiểm soát	12.000.000
09	Đào Thị Hồng Thịnh	Thư ký Công ty	77.598.432
	TỔNG CỘNG		633,629,935

b. Giao dịch cổ phiếu của cổ đông nội bộ: không có

c. Hợp đồng hoặc giao dịch của cổ đông nội bộ : không có

c. Việc thực hiện các quy định về quản trị Công ty : Ban điều hành Công ty thực hiện theo đúng các quy định của pháp luật về quản trị Công ty.

VI. BÁO CÁO TÀI CHÍNH :

Báo cáo tài chính của Công ty cổ phần Bê tông ly tâm Điện lực Khánh Hòa được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán FAC – Chi nhánh Nha Trang.

1. Ý kiến kiểm toán :

Theo ý kiến Chúng tôi, Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Bê Tông Ly Tâm Điện Lực Khánh Hòa tại ngày 31 tháng 12 năm 2013, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, đồng thời phù hợp với các Chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các Quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

2. Báo cáo tài chính đã được kiểm toán :

Báo cáo tài chính năm đã được kiểm toán bao gồm : bảng CĐKT; Báo cáo KQHĐKD; Báo cáo LCTT; Bảng TMBCTC. (bảng chi tiết đính kèm)

XÁC NHẬN ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT CỦA CÔNG TY



Nguyễn Phước Vĩnh Khải
Giám đốc

BÁO CÁO TÀI CHÍNH ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2013

CÔNG TY CỔ PHẦN BÊ TÔNG LY TÂM
ĐIỆN LỰC KHÁNH HÒA



Mẫu B 01-DN

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2013

Đơn vị tính: VND

TÀI SẢN		Mã số	Thuyết minh	31/12/2013		01/01/2013	
A - TÀI SẢN NGẮN HẠN		100		14.990.384.627		12.656.811.876	
I.	Tiền và các khoản tương đương tiền	110	IV. 1	5.821.375.156		586.546.974	
1.	Tiền	111		5.821.375.156		586.546.974	
2.	Các khoản tương đương tiền	112		-		-	
II.	Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	120		-		-	
1.	Đầu tư ngắn hạn	121		-		-	
2.	Dự phòng giảm giá đầu tư ngắn hạn	129		-		-	
III.	Các khoản phải thu ngắn hạn	130		6.557.942.000		7.885.264.554	
1.	Phải thu khách hàng	131	IV. 2	8.030.427.391		7.878.972.241	
2.	Trả trước cho người bán	132		-		3.850.000	
3.	Phải thu nội bộ ngắn hạn	133		-		-	
4.	Phải thu theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	134		-		-	
5.	Các khoản phải thu khác	135	IV. 3	10.843.844		2.442.313	
6.	Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	139	IV. 4	(1.483.329.235)		-	
IV.	Hàng tồn kho	140		2.372.401.413		3.961.203.883	
1.	Hàng tồn kho	141	IV. 5	2.372.401.413		3.961.203.883	
2.	Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		-		-	
V.	Tài sản ngắn hạn khác	150		238.666.058		223.796.465	
1.	Chi phí trả trước ngắn hạn	151	IV. 6	172.416.058		182.717.508	
2.	Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	152		-		-	
3.	Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	154		-		18.128.957	
4.	Giao dịch mua bán lại trái phiếu chính phủ	157		-		-	
5.	Tài sản ngắn hạn khác	158	IV. 7	66.250.000		22.950.000	

TỈNH
KHÁNH HÒA

Mẫu B 01-DN

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2013		01/01/2013	
B - TÀI SẢN DÀI HẠN	200		24.328.256.537		27.235.557.671	
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		-		-	
1. Phải thu dài hạn của khách hàng	211		-		-	
2. Vốn kinh doanh ở các đơn vị trực thuộc	212		-		-	
3. Phải thu dài hạn nội bộ	213		-		-	
4. Phải thu dài hạn khác	218		-		-	
5. Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi	219		-		-	
II. Tài sản cố định	220		23.880.791.776		27.120.598.913	
1. Tài sản cố định hữu hình	221	IV. 8	20.266.376.752		23.400.199.883	
<i>Nguyên giá</i>	222		35.229.646.577		35.491.407.012	
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	223		(14.963.269.825)		(12.091.207.129)	
2. Tài sản cố định thuê tài chính	224		-		-	
<i>Nguyên giá</i>	225		-		-	
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	226		-		-	
3. Tài sản cố định vô hình	227	IV. 9	3.614.415.024		3.720.399.030	
<i>Nguyên giá</i>	228		4.129.876.938		4.129.876.938	
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	229		(515.461.914)		(409.477.908)	
4. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	230		-		-	
III. Bất động sản đầu tư	240		-		-	
<i>Nguyên giá</i>	241		-		-	
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	242		-		-	
IV. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	250		-		-	
1. Đầu tư vào công ty con	251		-		-	
2. Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh	252		-		-	
3. Đầu tư dài hạn khác	258		-		-	
4. Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn	259		-		-	
V. Tài sản dài hạn khác	260		447.464.761		114.958.758	
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	IV. 10	447.464.761		114.958.758	
2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262		-		-	
3. Tài sản dài hạn khác	268		-		-	
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270		39.318.641.164		39.892.369.547	



Mẫu B 01-DN

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2013	01/01/2013
A - NỢ PHẢI TRẢ	300		18.119.568.023	19.892.655.891
I. Nợ ngắn hạn	310		14.570.007.292	9.482.095.160
1. Vay và nợ ngắn hạn	311	IV. 11	7.141.020.337	7.680.047.011
2. Phải trả người bán	312	IV. 12	2.559.621.815	958.259.617
3. Người mua trả tiền trước	313	IV. 13	2.072.665.706	88.184.032
4. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	314	IV. 14	864.319.811	233.584.504
5. Phải trả người lao động	315		985.017.114	169.096.688
6. Chi phí phải trả	316	IV. 15	32.610.000	36.000.000
7. Phải trả nội bộ	317		-	-
8. Phải trả theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	318		-	-
9. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	319	IV. 16	674.023.602	207.745.698
10. Dự phòng phải trả ngắn hạn	320		-	-
11. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	323	IV. 17	240.728.907	109.177.610
12. Giao dịch mua bán lại trái phiếu chính phủ	327		-	-
II. Nợ dài hạn	330		3.549.560.731	10.410.560.731
1. Phải trả dài hạn người bán	331		-	-
2. Phải trả dài hạn nội bộ	332		-	-
3. Phải trả dài hạn khác	333	IV. 18	2.812.560.731	2.812.560.731
4. Vay và nợ dài hạn	334	IV. 19	737.000.000	7.598.000.000
5. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	335		-	-
6. Dự phòng trợ cấp mất việc làm	336		-	-
7. Dự phòng phải trả dài hạn	337		-	-
8. Doanh thu chưa thực hiện	338		-	-
9. Quỹ phát triển khoa học và công nghệ	339		-	-
B - NGUỒN VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		21.199.073.141	19.999.713.656
I. Vốn chủ sở hữu	410		21.199.073.141	19.999.713.656
1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu	411	IV. 20	15.000.000.000	15.000.000.000
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		-	-
3. Vốn khác của chủ sở hữu	413	IV. 20	3.755.631.852	3.430.424.725
4. Cổ phiếu quỹ	414		-	-
5. Chênh lệch đánh giá lại tài sản	415		-	-
6. Chênh lệch tỷ giá hối đoái	416		-	-
7. Quỹ đầu tư phát triển	417	IV. 20	331.741.232	656.948.359
8. Quỹ dự phòng tài chính	418	IV. 20	199.000.000	199.000.000
9. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	419		-	-
10. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	420	IV. 20	1.912.700.057	713.340.572
11. Nguồn vốn đầu tư xây dựng cơ bản	421		-	-
12. Quỹ hỗ trợ sắp xếp doanh nghiệp	422		-	-
II. Nguồn kinh phí và quỹ khác	430		-	-
1. Nguồn kinh phí	432		-	-
2. Nguồn kinh phí đã hình thành tài sản cố định	433		-	-
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440		39.318.641.164	39.892.369.547

Mẫu B 01-DN

CÁC CHỈ TIÊU NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

CHỈ TIÊU	Thuyết minh	31/12/2013	01/01/2013
1. Tài sản thuê ngoài		-	-
2. Vật tư, hàng hóa nhận giữ hộ, nhận gia công		-	-
3. Hàng hóa nhận bán hộ, nhận ký gửi, ký cược		-	-
4. Nợ khó đòi đã xử lý		-	-
5. Ngoại tệ các loại		-	-
6. Dự toán chi sự nghiệp, dự án		-	-

Khánh Hòa, ngày 10 tháng 3 năm 2014

Nguyễn Thị Tuyết Loan
Người lập biểu

Võ Trí
Kế toán trưởng



Nguyễn Phước Vĩnh Khải
Giám đốc

924
ÔN
KI
FA
TN
AT
VG

Mẫu B 02-DN

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2013

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm 2013	Năm 2012
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	V. 1	41.455.075.526	31.358.320.802
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02	V. 1	30.558.150	675.147.538
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10	V. 1	41.424.517.376	30.683.173.264
4. Giá vốn hàng bán	11	V. 2	30.334.603.602	24.943.294.875
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		11.089.913.774	5.739.878.389
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	V. 3	26.166.543	33.458.451
7. Chi phí tài chính	22	V. 4	1.718.885.223	2.350.327.765
Trong đó: chi phí lãi vay	23		1.661.767.723	2.271.100.265
8. Chi phí bán hàng	24	V. 5	3.613.232.025	1.366.537.917
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	25	V. 6	2.886.562.499	1.280.004.471
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		2.897.400.570	776.466.687
11. Thu nhập khác	31		-	14.379.641
12. Chi phí khác	32		1.114.375	3.056.702
13. Lợi nhuận khác	40		(1.114.375)	11.322.939
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		2.896.286.195	787.789.626
15. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51	V. 7	783.586.138	74.449.054
16. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	52		-	-
17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		2.112.700.057	713.340.572
18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	V. 8	1.408	476

Khánh Hòa, ngày 10 tháng 3 năm 2014



Nguyễn Phước Vĩnh Khải
Giám đốc

Nguyễn Thị Tuyết Loan
Người lập biểu

Võ Trị
Kế toán trưởng

Mẫu B 03-DN

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ
 (Theo phương pháp gián tiếp)
 Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2013

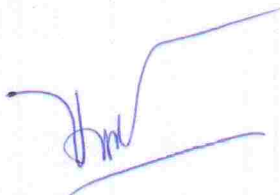
Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm 2013	Năm 2012
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh				
1. Lợi nhuận trước thuế	01		2.896.286.195	787.789.626
2. Điều chỉnh cho các khoản:				
- Khấu hao tài sản cố định	02	IV. 8, 9	3.346.157.782	3.821.751.215
- Các khoản dự phòng	03	IV. 4	1.483.329.235	-
- Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái chưa thực hiện	04		-	-
- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	05	V. 3	(26.166.543)	-
- Chi phí lãi vay	06	V. 4	1.718.885.223	2.350.327.765
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08		9.418.491.892	6.959.868.606
- Tăng, giảm các khoản phải thu	09		(181.177.724)	(1.923.168.049)
- Tăng, giảm hàng tồn kho	10		1.588.802.470	(998.279.000)
- Tăng, giảm các khoản phải trả	11		5.131.215.043	(3.469.498.768)
- Tăng, giảm chi phí trả trước	12		(185.865.198)	(34.296.406)
- Tiền lãi vay đã trả	13		(1.722.275.223)	(2.314.327.765)
- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	14	IV. 14	(417.923.672)	(338.941.404)
- Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	15		-	-
- Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	16	IV. 17	(181.789.275)	(109.057.238)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20		13.449.478.313	(2.227.700.024)
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư				
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	21	IV. 8	(242.690.000)	(123.316.881)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	22		-	-
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23		-	-
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24		-	-
5. Tiền chi đầu tư, góp vốn vào đơn vị khác	25		-	-
6. Tiền thu hồi đầu tư, góp vốn vào đơn vị khác	26		-	-
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		26.166.543	-
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		(216.523.457)	(123.316.881)

Mẫu B 03-DN

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm	
			2013	2012
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính				
1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận góp vốn chủ sở hữu	31		-	-
2. Tiền chi trả góp vốn cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành	32		-	-
3. Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được	33	IV. 11	14.060.487.747	13.715.264.967
4. Tiền chi trả nợ gốc vay	34	IV. 11, 19	(21.460.514.421)	(13.759.483.342)
5. Tiền chi trả nợ thuê tài chính	35		-	-
6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36		(598.100.000)	(1.200.000.000)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40		(7.998.126.674)	(1.244.218.375)
Lưu chuyển tiền thuần trong năm	50		5.234.828.182	(3.595.235.280)
Tiền và tương đương tiền đầu năm	60	IV. 1	586.546.974	4.181.782.254
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61		-	-
Tiền và tương đương tiền cuối năm	70	IV. 1	5.821.375.156	586.546.974

Khánh Hòa, ngày 10 tháng 3 năm 2014



Nguyễn Thị Tuyết Loan
 Người lập biểu



Võ Trí
 Kế toán trưởng



Nguyễn Phước Vĩnh Khải
 Giám đốc

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2013

I. THÔNG TIN VỀ DOANH NGHIỆP

1. Giấy phép hoạt động

Công ty Cổ phần Bê Tông Ly Tâm Điện Lực Khánh Hòa được thành lập và hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 3703000358 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Tỉnh Khánh Hòa cấp lần đầu vào ngày 19 tháng 3 năm 2008.

Trong quá trình hoạt động, Công ty đã được Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Khánh Hòa cấp các Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh/ Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp thay đổi như sau:

Thay đổi đăng ký kinh doanh	Số Giấy chứng nhận	Ngày cấp
Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh và đăng ký thuế đăng ký thay đổi lần thứ 1	4200742214	29/12/2009
Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp đăng ký thay đổi lần thứ 2	4200742214	20/05/2011

Vốn điều lệ của Công ty theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh lần đầu là 10 tỷ đồng, tăng lên thành 15 tỷ đồng theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh và đăng ký thuế đăng ký thay đổi lần thứ 1 vào ngày 29/12/2009 và giữ nguyên cho đến thời điểm báo cáo.

Ngành nghề kinh doanh theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp đăng ký thay đổi lần thứ hai ngày 20 tháng 05 năm 2011 bao gồm: Vận tải hàng hóa bằng đường bộ; Sản xuất, kinh doanh sản phẩm bê tông công nghiệp; Sản xuất kinh doanh vật liệu xây dựng; Sản xuất, kinh doanh sản phẩm cơ khí; Xây lắp công nghiệp.

Trụ sở chính của Công ty đặt tại Lô C5, 6, 7, 8 Khu công nghiệp Đắc Lộc, Xã Vĩnh Phương, Thành phố Nha Trang, Tỉnh Khánh Hòa.

Số lượng cán bộ và nhân viên của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2013 là: 95 người (ngày 31 tháng 12 năm 2012: 95 người).

2. Hội đồng quản trị

Hội đồng quản trị của Công ty trong năm và vào ngày lập báo cáo này như sau:

Ông Nguyễn Cao Ký	Chủ tịch	Bổ nhiệm ngày 18/04/2013
Ông Nguyễn Phước Vĩnh Khải	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 18/04/2013
Ông Lê Duy Cừu	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 18/04/2013

II. CƠ SỞ TRÌNH BÀY BÁO CÁO TÀI CHÍNH

1. Chế độ Kế toán và Chuẩn mực kế toán áp dụng

Báo cáo tài chính của Công ty được trình bày phù hợp với Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20 tháng 3 năm 2006 của Bộ trưởng Bộ Tài chính và thông tư 244/2009/TT-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2009 hướng dẫn sửa đổi, bổ sung chế độ kế toán Doanh nghiệp cũng như các thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực và chế độ kế toán của Bộ Tài chính.

Ban Giám đốc Công ty đảm bảo đã tuân thủ đầy đủ yêu cầu của Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các Chuẩn mực kế toán có liên quan trong việc lập và trình bày báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013.

2. Hình thức sổ kế toán áp dụng

Hình thức sổ kế toán áp dụng được đăng ký của Công ty là nhật ký chung.

3. Năm tài chính

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 đến ngày 31 tháng 12 hàng năm.

4. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán là Đồng Việt Nam (VND).



III. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

1. Tiền và tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt, tiền gửi ngân hàng, tiền đang chuyển và các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi hoặc đáo hạn không quá 3 tháng kể từ ngày mua, dễ dàng chuyển đổi thành một lượng tiền xác định cũng như không có nhiều rủi ro trong việc chuyển đổi.

2. Các khoản phải thu thương mại và phải thu khác

Các khoản phải thu được trình bày trên Báo cáo tài chính theo giá trị ghi sổ các khoản phải thu từ khách hàng và phải thu khác sau khi trừ các khoản dự phòng được lập cho các khoản phải thu khó đòi.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi thể hiện phần giá trị của các khoản phải thu mà Công ty dự kiến không có khả năng thu hồi tại ngày kết thúc kỳ kế toán. Tăng hoặc giảm số dư tài khoản dự phòng được hạch toán vào chi phí quản lý doanh nghiệp trong năm.

3. Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được ghi nhận theo giá thấp hơn giữa giá thành để đưa mỗi sản phẩm đến vị trí và điều kiện hiện tại và giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng tồn kho trong điều kiện kinh doanh bình thường trừ chi phí ước tính để hoàn thành và chi phí bán hàng ước tính.

Công ty áp dụng phương pháp kê khai thường xuyên để hạch toán hàng tồn kho với giá gốc của hàng tồn kho được tính theo phương pháp bình quân gia quyền.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được ghi nhận khi giá gốc lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được.

4. Tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định bao gồm giá mua và những chi phí có liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào hoạt động như dự kiến. Các chi phí mua sắm, nâng cấp và đổi mới tài sản cố định được ghi tăng nguyên giá của tài sản và chi phí bảo trì, sửa chữa được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh khi phát sinh. Khi tài sản được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và các khoản lãi lỗ phát sinh do bán hoặc thanh lý tài sản được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trong năm.

5. Tài sản cố định vô hình

Tài sản cố định vô hình được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định vô hình bao gồm giá mua và những chi phí có liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào sử dụng như dự kiến. Các chi phí nâng cấp và đổi mới tài sản cố định vô hình được ghi tăng nguyên giá của tài sản và các chi phí khác được hạch toán vào kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất khi phát sinh. Khi tài sản cố định vô hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị khấu hao lũy kế được xóa sổ và các khoản lãi lỗ phát sinh do bán hoặc thanh lý tài sản được hạch toán vào kết quả hoạt động kinh doanh trong năm.

6. Khấu hao tài sản cố định

Tài sản cố định hữu hình và vô hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính phù hợp với hướng dẫn tại Thông tư số 45/2013/TT-BTC ngày 25 tháng 4 năm 2013 của Bộ trưởng Bộ Tài chính. Số năm khấu hao của các loại tài sản cố định như sau:

- Nhà cửa, vật kiến trúc	08-25 năm
- Máy móc và thiết bị	03-10 năm
- Phương tiện vận tải	08-10 năm
- Thiết bị, dụng cụ quản lý	05-08 năm
- Quyền sử dụng đất có thời hạn	50 năm
- Tài sản cố định vô hình khác	07-10 năm

7. Tài sản thuê hoạt động

Thuê tài sản được phân loại là thuê hoạt động nếu phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu tài sản thuộc về người cho thuê. Chi phí thuê hoạt động được phản ánh vào chi phí theo phương pháp đường thẳng cho suốt thời hạn thuê tài sản, không phụ thuộc vào phương thức thanh toán tiền thuê.

8. Chi phí đi vay

Chi phí đi vay bao gồm lãi tiền vay và các chi phí khác phát sinh liên quan trực tiếp đến các khoản vay của doanh nghiệp.

Chi phí đi vay được hạch toán như chi phí phát sinh trong năm ngoại trừ các khoản được vốn hóa như theo nội dung của đoạn tiếp theo.

Chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc mua sắm, xây dựng hoặc hình thành một tài sản cụ thể cần có một thời gian đủ dài để có thể đưa vào sử dụng theo mục đích định trước hoặc để bán được vốn hóa vào nguyên giá của tài sản đó.

9. Chi phí trả trước

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí trả trước ngắn hạn hoặc chi phí trả trước dài hạn trên Bảng cân đối kế toán và được phân bổ trong khoảng thời gian trả trước của chi phí tương ứng với các lợi ích kinh tế được tạo ra từ các chi phí này.

10. Các khoản phải trả và chi phí trích trước

Các khoản phải trả và chi phí trích trước được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được không phụ thuộc vào việc Tập đoàn đã nhận được hóa đơn của nhà cung cấp hay chưa.

11. Vốn chủ sở hữu

Vốn chủ sở hữu của Công ty bao gồm:

- Vốn đầu tư của chủ sở hữu: được ghi nhận theo số thực tế đã đầu tư của các cổ đông.
- Thặng dư vốn cổ phần là số chênh lệch giữa mệnh giá và giá phát hành cổ phiếu, trừ đi chi phí trực tiếp liên quan đến phát hành cổ phiếu.
- Vốn khác: hình thành do bổ sung từ kết quả hoạt động kinh doanh, giá trị các tài sản được tặng, biếu, tài trợ và đánh giá lại tài sản.
- Các quỹ thuộc vốn chủ sở hữu được trích lập và sử dụng theo Điều lệ của Công ty hoặc theo Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông Công ty.
- Lợi nhuận thuần sau thuế thu nhập doanh nghiệp có thể được chia cho các nhà đầu tư sau khi được Đại hội đồng cổ đông thông qua và sau khi đã trích lập các quỹ dự phòng theo Điều lệ Công ty và các quy định của pháp luật Việt Nam.

12. Thuế thu nhập doanh nghiệp

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp trong kỳ bao gồm thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hoãn lại.

Thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành

Thuế thu nhập hiện hành là số thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp tính trên thu nhập chịu thuế và thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp áp dụng tại ngày cuối kỳ.

Thuế thu nhập hiện hành được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh ngoại trừ trường hợp thuế thu nhập phát sinh liên quan đến một khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu, trong trường hợp này, thuế thu nhập hiện hành cũng được ghi nhận trực tiếp vào vốn chủ sở hữu.

Thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại

Thuế thu nhập hoãn lại là khoản thuế thu nhập doanh nghiệp sẽ phải nộp hoặc sẽ được hoãn lại do chênh lệch tạm thời giữa giá trị ghi sổ của tài sản và nợ phải trả cho mục đích Báo cáo tài chính và các giá trị dùng cho mục đích thuế. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn trong tương lai sẽ có lợi nhuận tính thuế để sử dụng những chênh lệch tạm thời được khấu trừ này.

Giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại được xem xét lại vào ngày kết thúc năm tài chính và sẽ được ghi giảm đến mức đảm bảo chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế cho phép lợi ích của một phần hoặc toàn bộ tài sản thuế thu nhập hoãn lại được sử dụng.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán dựa trên các mức thuế suất có hiệu lực tại ngày kết thúc năm tài chính.

Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh ngoại trừ trường hợp thuế thu nhập hoãn lại phát sinh liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu, trong trường hợp này, thuế thu nhập hoãn lại cũng được ghi nhận trực tiếp vào vốn chủ sở hữu.

Doanh nghiệp chỉ được bù trừ các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả khi doanh nghiệp có quyền hợp pháp được bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả liên quan tới thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế đối với cùng một đơn vị chịu thuế; hoặc các đơn vị chịu thuế khác nhau dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành phải trả và tài sản thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuận hoặc thu hồi tài sản đồng thời với việc thanh toán nợ phải trả trong từng kỳ tương lai khi các khoản trọng yếu của thuế thu nhập hoãn lại phải trả hoặc tài sản thuế thu nhập hoãn lại được thanh toán hoặc thu hồi.

13. Nguyên tắc ghi nhận doanh thu

Doanh thu được ghi nhận khi Công ty có khả năng nhận được các lợi ích kinh tế có thể xác định được một cách chắc chắn. Doanh thu được xác định theo giá trị hợp lý của các khoản đã thu hoặc sẽ thu được sau khi trừ đi các khoản chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán và hàng bán bị trả lại. Các điều kiện ghi nhận cụ thể sau đây cũng phải được đáp ứng khi ghi nhận doanh thu:

- Doanh thu từ bán hàng hóa được ghi nhận khi phần lớn rủi ro và quyền sở hữu của hàng hóa được chuyển giao cho người mua, thường là trùng với việc chuyển giao hàng hóa.
- Khi cung cấp dịch vụ, doanh thu được ghi nhận khi không còn những yếu tố không chắc chắn đáng kể liên quan đến việc thanh toán tiền hoặc chi phí kèm theo. Trường hợp dịch vụ được thực hiện trong nhiều kỳ kế toán thì việc xác định doanh thu trong từng kỳ được thực hiện căn cứ vào tỷ lệ hoàn thành dịch vụ tại ngày cuối năm.
- Tiền lãi được ghi nhận khi Công ty có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch và được xác định tương đối chắc chắn. Tiền lãi được ghi nhận trên cơ sở thời gian và lãi suất từng kỳ.

14. Công cụ tài chính

Ghi nhận ban đầu và trình bày

Tài sản tài chính

Theo Thông tư 210/2009/TT-BTC, tài sản tài chính được phân loại một cách phù hợp, cho mục đích thuyết minh trong Báo cáo tài chính thành tài sản tài chính được ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, các khoản cho vay và phải thu, các khoản đầu tư giữ đến ngày đáo hạn và tài sản tài chính giữ sẵn sàng để bán. Công ty quyết định phân loại các loại tài sản tài chính này tại thời điểm ghi nhận lần đầu.

Tại thời điểm ghi nhận lần đầu, tài sản tài chính được xác định theo nguyên giá cộng với chi phí giao dịch trực tiếp liên quan đến việc phát hành.

Tài sản tài chính của Công ty bao gồm tiền, các khoản phải thu khách hàng và phải thu khác.

Nợ phải trả tài chính

Theo Thông tư 210/2009/TT-BTC, nợ phải trả tài chính được phân loại một cách phù hợp, cho mục đích thuyết minh trong Báo cáo tài chính thành nợ phải trả tài chính được ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và các khoản nợ tài chính được xác định theo giá trị phân bổ. Công ty xác định phân loại các loại nợ phải trả tài chính này tại thời điểm ghi nhận lần đầu.

Tại thời điểm ghi nhận lần đầu, nợ phải trả tài chính được xác định theo nguyên giá cộng với chi phí giao dịch trực tiếp liên quan đến việc phát hành.

Nợ phải trả tài chính của Công ty bao gồm nợ phải trả người bán, nợ phải trả khác, các khoản vay và nợ.

Giá trị sau ghi nhận lần đầu

Hiện tại không có yêu cầu xác định lại giá trị của các công cụ tài chính sau ghi nhận ban đầu.

Bù trừ các công cụ tài chính

Các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính được bù trừ và giá trị thuần sẽ được trình bày trên Báo cáo tài chính nếu và chỉ nếu, Công ty có quyền hợp pháp thi hành việc bù trừ các giá trị đã được ghi nhận và có ý định bù trừ trên cơ sở thuần, hoặc thu được các tài sản và thanh toán nợ phải trả đồng thời.

15. Bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động.

Giao dịch với các bên liên quan với Công ty được trình bày ở thuyết minh số VI.1.

IV. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

1. Tiền và các khoản tương đương tiền

	31/12/2013	01/01/2013
Tiền mặt tại quỹ	16.561.729	386.096.891
Tiền gửi ngân hàng	5.804.813.427	200.450.083
Cộng	5.821.375.156	586.546.974

2. Phải thu của khách hàng

	31/12/2013	01/01/2013
Công ty Cổ phần Đầu Tư và Xây dựng HUD 1	1.585.591.262	2.063.595.490
Công ty Cổ phần Xây dựng Đầu Tư Phát Triển Bạch Đằng 15	791.542.818	331.623.929
Công ty Cổ phần Điện Lực Khánh Hoà	206.896.992	82.975.000
Các khách hàng khác	5.446.396.319	5.400.777.822
Cộng	8.030.427.391	7.878.972.241

3. Các khoản phải thu ngắn hạn khác

	31/12/2013	01/01/2013
Bảo hiểm xã hội	717.680	494.818
Phải thu về thuế thu nhập cá nhân	8.512.104	1.947.495
Các khoản khác	1.614.060	-
Cộng	10.843.844	2.442.313

4. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi

	31/12/2013	01/01/2013
Dự phòng cho các khoản nợ quá hạn từ 1 năm đến dưới 2 năm	643.745.696	-
Dự phòng cho các khoản nợ quá hạn từ 2 năm đến 3 năm	759.474.758	-
Dự phòng cho các khoản nợ phải thu quá hạn trên 3 năm	80.108.781	-
Cộng	1.483.329.235	-

5. Hàng tồn kho

	31/12/2013	01/01/2013
Nguyên liệu, vật liệu tồn kho	503.420.866	779.262.620
Công cụ, dụng cụ trong kho	50.972.724	10.400.000
Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang	74.317.730	-
Thành phẩm tồn kho	1.649.909.194	3.150.201.715
Hàng hóa tồn kho	93.780.899	21.339.548
Cộng	2.372.401.413	3.961.203.883

6. Chi phí trả trước ngắn hạn

	Năm 2013	Năm 2012
Số dư tại 01/01	182.717.508	112.934.714
Phát sinh trong năm	588.173.603	621.380.295
Kết chuyển vào chi phí sản xuất kinh doanh trong năm	(598.475.053)	(551.597.501)
Số dư tại 31/12	172.416.058	182.717.508

7. Tài sản ngắn hạn khác

	31/12/2013	01/01/2013
Tạm ứng chi phí cho cán bộ công nhân viên	66.250.000	22.950.000
Cộng	66.250.000	22.950.000

8. Tăng, giảm tài sản cố định hữu hình

	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc, thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Thiết bị, đồ dùng quản lý	Tổng cộng
Nguyên giá					
Tại 01/01/2013	13.891.548.767	16.451.002.964	5.123.150.520	25.704.761	35.491.407.012
Mua sắm mới		242.690.000			242.690.000
Phân loại lại	(77.019.533)	(401.726.141)		(25.704.761)	(504.450.435)
Tại 31/12/2013	13.814.529.234	16.291.966.823	5.123.150.520	-	35.229.646.577
Trong đó đã hết khấu hao nhưng còn sử dụng	-	109.560.323	-	-	109.560.323
Hao mòn lũy kế					
Tại 01/01/2013	2.233.504.228	7.476.576.996	2.365.249.129	15.876.776	12.091.207.129
Trích khấu hao	620.385.801	2.054.456.858	563.605.482	1.725.635	3.240.173.776
Phân loại lại	(18.299.996)	(332.208.673)	-	(17.602.411)	(368.111.080)
Tại 31/12/2013	2.835.590.033	9.198.825.181	2.928.854.611	-	14.963.269.825
Giá trị còn lại					
Tại 01/01/2013	11.658.044.539	8.974.425.968	2.757.901.391	9.827.985	23.400.199.883
Tại 31/12/2013	10.978.939.201	7.093.141.642	2.194.295.909	-	20.266.376.752

Một số tài sản cố định của Công ty đã được thế chấp cho các khoản vay tại Ngân hàng Thương mại Cổ phần Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Khánh Hòa (Xem thuyết minh IV.11 và IV.19).



9. Tăng, giảm tài sản cố định vô hình

	<u>Quyền sử dụng đất có thời hạn</u>	<u>Chuyển giao công nghệ</u>	<u>Tổng cộng</u>
Nguyên giá			
Tại ngày 01/01/2013	3.899.876.938	230.000.000	4.129.876.938
Đầu tư hoàn thành	-	-	-
Tại ngày 31/12/2013	3.899.876.938	230.000.000	4.129.876.938
Hao mòn lũy kế			
Tại ngày 01/01/2013	300.192.210	109.285.698	409.477.908
Trích khấu hao	77.412.575	28.571.431	105.984.006
Tại ngày 31/12/2013	377.604.785	137.857.129	515.461.914
Giá trị còn lại			
Tại ngày 01/01/2013	3.599.684.728	120.714.302	3.720.399.030
Tại ngày 31/12/2013	3.522.272.153	92.142.871	3.614.415.024

10. Chi phí trả trước dài hạn

	<u>Năm 2013</u>	<u>Năm 2012</u>
Số dư tại 01/01	114.958.758	150.445.146
Phát sinh trong năm	498.087.964	100.699.419
Kết chuyển vào chi phí sản xuất kinh doanh trong năm	(165.581.961)	(136.185.807)
Số dư tại 31/12	447.464.761	114.958.758

11. Vay và nợ ngắn hạn

Chi tiết phát sinh về các khoản vay và nợ ngắn hạn như sau:

	<u>Tại ngày 01/01/2013</u>	<u>Số tiền vay trong năm/ Vay dài hạn đến hạn trả</u>	<u>Số tiền vay đã trả trong năm</u>	<u>Tại ngày 31/12/2013</u>
Vay ngắn hạn	3.680.047.011	14.060.487.747	(13.860.514.421)	3.880.020.337
BIDV Khánh Hòa (a)	3.680.047.011	14.060.487.747	(13.860.514.421)	3.880.020.337
Vay dài hạn đến hạn trả	4.000.000.000	3.261.000.000	(4.000.000.000)	3.261.000.000
BIDV Khánh Hòa (b)	4.000.000.000	3.261.000.000	(4.000.000.000)	3.261.000.000
Cộng	7.680.047.011	17.321.487.747	(17.860.514.421)	7.141.020.337

(a) Khoản vay của Ngân hàng Thương mại Cổ phần Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Khánh Hòa (BIDV Khánh Hòa) theo hạn mức tín dụng tối đa 7 tỷ đồng, bằng tiền Việt Nam Đồng và ngoại tệ quy đổi, để bổ sung vốn kinh doanh. Thời hạn vay từ 3 tháng đến 6 tháng, lãi suất theo từng hợp đồng tín dụng cụ thể và được điều chỉnh theo thông báo của ngân hàng từng thời điểm.

Khoản vay này được đảm bảo bằng các tài sản sau: Toàn bộ tài sản hình thành sau đầu tư của dự án Nhà máy sản xuất Bê tông ly tâm ứng lực; Toàn bộ số dư tài khoản tiền gửi sản xuất kinh doanh của Công ty tại ngân hàng và các tổ chức tín dụng khác; Các khoản thu theo các hợp đồng kinh tế được ký kết giữa Công ty và các đối tác mà Công ty là người thụ hưởng.

(b) Xem thuyết minh Vay dài hạn số IV.19.

12. Phải trả cho người bán

	<u>31/12/2013</u>	<u>01/01/2013</u>
Phải cho các nhà cung cấp hàng hóa và dịch vụ phục vụ cho hoạt động kinh doanh của Công ty:		
- Công ty Cổ phần Xi Măng Miền Trung - Tây Nguyên	496.114.000	148.800.000
- Công ty Cổ phần Đầu tư và Kinh doanh Vật liệu xây dựng Fico	456.440.710	82.082.700
- Các khách hàng khác	1.607.067.105	727.376.917
Cộng	2.559.621.815	958.259.617

13. Người mua trả tiền trước

	<u>31/12/2013</u>	<u>01/01/2013</u>
DNTN Xây dựng cơ bản Việt Ngân	893.261.800	-
Công ty TNHH Tư vấn Thiết kế Xây dựng Đất Phú	550.000.000	-
Các khách hàng khác	629.403.906	88.184.032
Cộng	<u>2.072.665.706</u>	<u>88.184.032</u>

14. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước

	<u>31/12/2013</u>	<u>01/01/2013</u>
Thuế giá trị gia tăng	510.297.301	228.670.472
Thuế Thu nhập doanh nghiệp	347.533.509	-
Thuế Thu nhập cá nhân	6.489.001	4.914.032
Cộng	<u>864.319.811</u>	<u>233.584.504</u>

Tình hình thực hiện nghĩa vụ Thuế và các khoản nộp Ngân sách Nhà nước của Công ty trong năm như sau :

	<u>01/01/2013</u>	<u>Số phải nộp</u>	<u>Số đã nộp</u>	<u>31/12/2013</u>
Thuế GTGT hàng bán nội địa	228.670.472	2.191.891.524	1.910.264.695	510.297.301
Thuế thu nhập doanh nghiệp	(18.128.957)	783.586.138	417.923.672	347.533.509
Thuế thu nhập cá nhân	4.914.032	113.849.745	112.274.776	6.489.001
Các loại thuế khác	-	3.000.000	3.000.000	-
Cộng (*)	<u>215.455.547</u>	<u>3.092.327.407</u>	<u>2.443.463.143</u>	<u>864.319.811</u>

(*) Trong đó:

Số nộp thừa	18.128.957	-
Số còn phải nộp	233.584.504	864.319.811

Thuế giá trị gia tăng

Công ty nộp thuế giá trị gia tăng theo phương pháp khấu trừ. Thuế suất thuế GTGT cho các sản phẩm và dịch vụ của Công ty là 10%.

Thuế thu nhập doanh nghiệp

Xem thuyết minh III.12 và thuyết minh V.7.

Các loại thuế khác

Công ty kê khai và nộp thuế theo quy định.

Việc xác định nghĩa vụ thuế các loại phải nộp của Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Số thuế phải nộp theo quyết toán thuế của Công ty chịu sự kiểm tra của Cơ quan có thẩm quyền kiểm tra thuế, do đó số thuế trình bày trên Báo cáo tài chính này có thể bị thay đổi theo quyết định cuối cùng của Cơ quan có thẩm quyền kiểm tra thuế.

15. Chi phí phải trả

	<u>31/12/2013</u>	<u>01/01/2013</u>
Chi phí lãi vay	32.610.000	36.000.000
Cộng	<u>32.610.000</u>	<u>36.000.000</u>

16. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác

	<u>31/12/2013</u>	<u>01/01/2013</u>
Kinh phí công đoàn	-	18.426.662
Tiền hoa hồng	666.112.682	177.001.440
Tiền thuế thu nhập cá nhân	6.010.920	12.317.596
Cổ tức phải trả	1.900.000	-
Cộng	<u>674.023.602</u>	<u>207.745.698</u>

17. Quỹ khen thưởng và phúc lợi

	Năm 2013	Năm 2012
Số dư tại 01/01	109.177.610	118.234.848
Trích từ lợi nhuận sau thuế	313.340.572	100.000.000
Chi khen thưởng, phúc lợi	(181.789.275)	(109.057.238)
Số dư tại 31/12	240.728.907	109.177.610

18. Phải trả dài hạn khác

	31/12/2013	01/01/2013
Tiền thuê đất Khu công nghiệp Đặc Lộ	2.812.560.731	2.812.560.731
Cộng	2.812.560.731	2.812.560.731

19. Vay và nợ dài hạn

	BIDV Khánh Hòa (a)	Công ty Cổ phần Điện Lực Khánh Hòa (b)	Công ty Cổ phần Điện Lực Khánh Hòa (c)	Cộng
Số dư tại ngày 01/01/2013	3.261.000.000	3.600.000.000	737.000.000	7.598.000.000
Trả nợ trong năm	-	(3.600.000.000)	-	(3.600.000.000)
Chuyển sang nợ đến hạn trả trong năm 2014	(3.261.000.000)	-	-	(3.261.000.000)
Số dư tại ngày 31/12/2013	-	-	737.000.000	737.000.000

Thông tin chi tiết về các khoản vay dài hạn như sau:

- (a) Khoản vay của Ngân hàng Thương mại Cổ phần Đầu Tư và Phát Triển Việt Nam - Chi nhánh Khánh Hòa theo hợp đồng tín dụng trung hạn số 01/2008/HĐTĐ với số tiền 15 tỷ đồng, để đầu tư dự án Nhà máy sản xuất Bê tông ly tâm ứng lực. Thời hạn vay 59 tháng, lãi suất thả nổi và bằng lãi suất huy động tiền gửi tiết kiệm 12 tháng trả sau cộng phí cố định là 3,5%/năm. Lãi suất kỳ đầu tiên là 14%/năm và được điều chỉnh 06 tháng một lần.
 Khoản vay được đảm bảo bằng toàn bộ tài sản hình thành từ vốn vay, cụ thể là những tài sản được xác định và sẽ hình thành sau đầu tư của dự án.
- (b) Khoản vay trung hạn của Công ty Cổ phần Điện Lực Khánh Hòa bằng tiền Đồng Việt Nam để đầu tư mua sắm tài sản cố định. Trong năm 2013 Công ty đã trả hết khoản vay này.
- (c) Khoản vay của Công ty Cổ phần Điện Lực Khánh Hòa bằng tiền Đồng Việt Nam để đầu tư mua sắm tài sản cố định phục vụ dự án Nhà máy sản xuất Bê tông ly tâm ứng lực, theo Phụ lục hợp đồng 01 kèm theo hợp đồng mua bán số 01/HĐMB ngày 27/11/2008. Số tiền vay đã được gia hạn là 737.000.000 VND, thời gian trả 02 lần vào các ngày 30/06/2015 và 31/12/2015. Lãi suất bằng lãi suất huy động tiền gửi tiết kiệm 01 năm của Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Khánh Hòa.

20. Vốn chủ sở hữu

Tình hình tăng giảm vốn chủ sở hữu

	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Vốn khác của chủ sở hữu	Quỹ đầu tư phát triển	Quỹ dự phòng tài chính	Lợi nhuận sau thuế	Tổng cộng
Tại 01/01/2012	15.000.000.000	3.155.434.381	52.413.214	199.000.000	2.179.525.489	20.586.373.084
Lợi nhuận năm 2012					713.340.572	713.340.572
Trích lập các quỹ từ lợi nhuận	-		879.525.489		(979.525.489)	(100.000.000)
Kết chuyển nguồn vốn đầu tư TSCĐ	-	274.990.344	(274.990.344)			-
Chia cổ tức	-	-	-		(1.200.000.000)	(1.200.000.000)
Tại 31/12/2012	15.000.000.000	3.430.424.725	656.948.359	199.000.000	713.340.572	19.999.713.656
Tại 01/01/2013	15.000.000.000	3.430.424.725	656.948.359	199.000.000	713.340.572	19.999.713.656
Lợi nhuận năm 2013					2.112.700.057	2.112.700.057
Trích lập các quỹ từ lợi nhuận	-	-	-	-	(313.340.572)	(313.340.572)
Kết chuyển nguồn vốn đầu tư TSCĐ	-	325.207.127	(325.207.127)			-
Chia cổ tức	-	-	-	-	(600.000.000)	(600.000.000)
Tại 31/12/2013	15.000.000.000	3.755.631.852	331.741.232	199.000.000	1.912.700.057	21.199.073.141

Cổ phiếu phổ thông và cổ phiếu ưu đãi

	31/12/2013	01/01/2013
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	1.500.000	1.500.000
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	1.500.000	1.500.000
- <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	1.500.000	1.500.000
Số lượng cổ phiếu được mua lại	-	-
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	1.500.000	1.500.000
- <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	1.500.000	1.500.000

Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 VND/cổ phiếu.

Cổ tức

Tại Đại hội đồng Cổ đông thường niên ngày 18 tháng 4 năm 2013, Đại hội đồng Cổ đông đã thông qua việc chi trả cổ tức năm 2012 bằng tiền với tỷ lệ 4%/cổ phần, tương đương số tiền 600.000.000 đồng. Số cổ tức này đã được thanh toán cho các cổ đông trong năm 2013.

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ KINH DOANH

1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

	Năm 2013	Năm 2012
Tổng doanh thu	41.455.075.526	31.358.320.802
Các khoản giảm trừ:	30.558.150	675.147.538
- Hàng bán bị trả lại	30.558.150	675.147.538
Doanh thu thuần bán hàng và cung cấp dịch vụ	41.424.517.376	30.683.173.264

2. Giá vốn hàng bán

	Năm 2013	Năm 2012
Giá vốn bán hàng và cung cấp dịch vụ	30.334.603.602	24.943.294.875
Cộng	30.334.603.602	24.943.294.875

3. Doanh thu hoạt động tài chính

	Năm 2013	Năm 2012
Lãi tiền gửi ngân hàng	26.166.543	33.458.451
Cộng	26.166.543	33.458.451

4. Chi phí tài chính

	Năm 2013	Năm 2012
Chi phí lãi vay, mua hàng trả chậm	1.718.885.223	2.350.327.765
Cộng	1.718.885.223	2.350.327.765

5. Chi phí bán hàng

	Năm 2013	Năm 2012
Chi phí dịch vụ mua ngoài	2.084.090.027	579.705.453
Chi phí khác bằng tiền	1.529.141.998	786.832.464
Cộng	3.613.232.025	1.366.537.917

6. Chi phí quản lý doanh nghiệp

	Năm 2013	Năm 2012
Chi phí cho nhân viên	666.153.601	535.592.496
Chi phí vật liệu, công cụ, dụng cụ	41.154.764	56.465.712
Chi phí khấu hao tài sản cố định	61.452.900	72.979.350
Chi phí dự phòng	1.483.329.235	-
Chi phí dịch vụ mua ngoài	80.462.362	59.764.345
Chi phí khác bằng tiền	554.009.637	555.202.568
Cộng	2.886.562.499	1.280.004.471

7. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành

Công ty nộp thuế thu nhập doanh nghiệp với thuế suất 25%. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp được dự tính như sau:

	Năm 2013	Năm 2012
Lợi nhuận kế toán trước thuế	2.896.286.195	787.789.626
Các khoản điều chỉnh tăng, giảm lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận chịu thuế thu nhập doanh nghiệp:		
Các khoản điều chỉnh tăng	238.058.356	63.056.702
Các khoản chi phí không được trừ	238.058.356	63.056.702
Các khoản điều chỉnh giảm	-	-
Tổng thu nhập chịu thuế thu nhập doanh nghiệp	3.134.344.551	850.846.328
Thuế TNDN từ hoạt động sản xuất kinh doanh	783.586.138	212.711.582
Thuế thu nhập doanh nghiệp được miễn, giảm trong kỳ tính thuế theo quy định của Luật thuế thu nhập doanh nghiệp	-	(138.262.528)
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	783.586.138	74.449.054

8. Lãi cơ bản trên cổ phiếu

	Năm 2013	Năm 2012
Lợi nhuận kế toán sau thuế thu nhập doanh nghiệp	2.112.700.057	713.340.572
Các khoản điều chỉnh tăng, giảm lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông		
Lợi nhuận phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông	2.112.700.057	713.340.572
Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong năm	1.500.000	1.500.000
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	1.408	476

Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong năm được tính như sau:

	Năm 2013	Năm 2012
Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành đầu năm	1.500.000	1.500.000
Ảnh hưởng của cổ phiếu phổ thông mua lại		
Ảnh hưởng của cổ phiếu phổ thông phát hành	-	-
Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong năm	1.500.000	1.500.000

9. Chi phí sản xuất, kinh doanh theo yếu tố

	Năm 2013	Năm 2012
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	16.690.835.268	15.438.873.150
Chi phí nhân công	6.990.313.700	4.938.378.948
Chi phí khấu hao tài sản cố định	3.346.157.782	3.821.751.215
Chi phí dự phòng	1.483.329.235	-
Chi phí dịch vụ mua ngoài	3.451.765.866	1.258.923.115
Chi phí khác bằng tiền	2.906.893.515	2.592.279.122
Cộng	34.869.295.366	28.050.205.550

VII. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC

1. Giao dịch với các bên liên quan

Các bên liên quan của Công ty bao gồm:

Bên liên quan	Mối quan hệ
Công ty Cổ phần Điện Lực Khánh Hòa	Cổ đông lớn, sở hữu 31% vốn chủ sở hữu
Công ty Cổ phần Bê Tông Ly Tâm An Giang	Cổ đông lớn, sở hữu 26% vốn chủ sở hữu
Hội đồng quản trị, Ban Giám đốc, Kế toán trưởng và Ban kiểm soát	Thành viên quản lý chủ chốt

Các giao dịch trọng yếu giữa Công ty với các bên liên quan trong năm như sau:

Bên liên quan/Nội dung giao dịch	Năm 2013	Năm 2012
Công ty Cổ phần Điện Lực Khánh Hòa		
Bán hàng	12.239.305.048	5.014.944.909
Thu tiền hàng	12.115.383.056	7.523.598.807
Vay tiền	-	3.600.000.000
Trả nợ tiền vay	3.600.000.000	-
Lãi vay, mua hàng trả chậm	385.333.500	223.227.500
Trả lãi vay, lãi mua hàng trả chậm	421.333.500	187.227.500
Mua hàng	40.748.000	43.520.000
Thanh toán tiền hàng	40.748.000	43.520.000
Trả cổ tức	186.000.000	372.000.000
Công ty Cổ phần Bê Tông Ly Tâm An Giang		
Trả cổ tức	156.000.000	312.000.000
Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát và Ban Giám đốc		
Tiền thù lao	144.000.000	144.000.000
Tiền lương, thưởng	526.930.235	541.043.532

Tại ngày kết thúc năm tài chính, công nợ giữa Công ty với các bên liên quan như sau:

Bên liên quan / Công nợ	Năm 2013	Năm 2012
Công ty Cổ phần Điện Lực Khánh Hòa		
- Phải thu khách hàng (xem thuyết minh IV.2)	206.896.992	82.975.000
- Vay dài hạn (xem thuyết minh IV.11)	-	3.600.000.000
- Lãi phải trả (xem thuyết minh IV.15)	-	36.000.000
- Phải trả mua tài sản trả chậm (xem thuyết minh IV.19)	737.000.000	737.000.000

2. Mục đích và chính sách quản lý rủi ro tài chính

Công cụ tài chính chủ yếu của Công ty bao gồm tiền và các khoản tương đương tiền, các khoản phải thu khách hàng, các khoản phải thu khác, các khoản phải trả người bán, các khoản vay và các khoản phải trả khác. Mục đích chính của những công cụ tài chính này là nhằm huy động nguồn tài chính phục vụ hoạt động kinh doanh của Công ty.

Rủi ro trọng yếu phát sinh từ các công cụ tài chính của Công ty là rủi ro thị trường, rủi ro tín dụng và rủi ro về tính thanh khoản.

Nghiệp vụ quản lý rủi ro là nghiệp vụ không thể thiếu cho toàn bộ hoạt động kinh doanh của Công ty. Công ty đã xây dựng hệ thống kiểm soát nhằm bảo đảm sự cân bằng ở mức hợp lý giữa chi phí rủi ro phát sinh và chi phí quản lý rủi ro. Ban Giám đốc Công ty liên tục theo dõi quy trình quản lý rủi ro của Công ty để bảo đảm sự cân bằng ở mức hợp lý giữa chi phí rủi ro và kiểm soát rủi ro.

Ban Giám đốc Công ty xem xét và thống nhất áp dụng những chính sách quản lý cho những rủi ro nêu trên như sau:

Rủi ro thị trường

Rủi ro thị trường là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của giá thị trường. Giá thị trường bao gồm các loại rủi ro: rủi ro lãi suất, rủi ro tiền tệ (rủi ro ngoại hối), rủi ro hàng hóa và rủi ro về giá khác, chẳng hạn như rủi ro về giá cổ phần. Các công cụ tài chính bị ảnh hưởng bởi rủi ro thị trường bao gồm các khoản vay và nợ.

Rủi ro lãi suất

Rủi ro lãi suất là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của lãi suất thị trường. Rủi ro thị trường do thay đổi lãi suất của Công ty chủ yếu liên quan đến các khoản vay và nợ với lãi suất thả nổi.

Công ty quản lý rủi ro bằng cách theo dõi chặt chẽ tình hình thị trường có liên quan, phân tích tình hình cạnh tranh trên thị trường, trên cơ sở đó, Công ty dự tính và điều chỉnh mức đòn bẩy tài chính cũng như chiến lược tài chính theo tình hình hiện tại để có được mức lãi suất có lợi cho mục đích của Công ty và vẫn nằm trong giới hạn quản lý rủi ro của mình.

Rủi ro ngoại hối

Rủi ro ngoại hối là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của tỷ giá hối đoái.

Công ty ít chịu rủi ro do sự thay đổi của tỷ giá hối đoái vì Công ty sử dụng VND là đơn vị tiền tệ chính trong các hoạt động của Công ty.

Rủi ro về giá hàng hóa

Công ty có rủi ro về giá hàng hóa và dịch vụ do thực hiện việc mua hàng hóa và dịch vụ phục vụ cho hoạt động của Công ty. Công ty quản lý rủi ro về giá hàng hóa thông qua việc theo dõi chặt chẽ thông tin và tình hình có liên quan về thị trường nhằm quản lý thời điểm, đồng thời tổ chức đấu thầu cho các hợp đồng mua hàng có giá trị lớn với các nhà thầu, nhà cung cấp trên cơ sở đơn giá cố định hoặc giá trọn gói cố định.

Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng là rủi ro mà một bên tham gia trong một công cụ tài chính hoặc hợp đồng khách hàng không thực hiện được nghĩa vụ của mình, dẫn đến tổn thất về mặt tài chính. Công ty có rủi ro tín dụng từ các hoạt động kinh doanh của mình (chủ yếu đối với các khoản phải thu khách hàng) và từ hoạt động tài chính của mình là tiền gửi ngân hàng.

Phải thu khách hàng

Việc quản lý rủi ro tín dụng khách hàng của Công ty dựa trên các chính sách bán hàng, thủ tục và quy trình kiểm soát của Công ty có liên quan đến việc quản lý rủi ro tín dụng khách hàng.

Công ty thường xuyên theo dõi các khoản phải thu của khách hàng chưa được thu và tìm cách duy trì chặt chẽ đối với các khoản phải thu tồn đọng. Đối với các khách hàng lớn, Công ty thực hiện việc xem xét sự suy giảm chất lượng tín dụng của từng khách hàng tại ngày lập báo cáo. Trên cơ sở này và việc các khoản phải thu khách hàng của Công ty có liên quan đến nhiều đối tượng khách hàng khác nhau, rủi ro tín dụng không tập trung đáng kể vào một khách hàng nhất định.

Tiền gửi ngân hàng

Công ty duy trì tiền gửi ngân hàng tại các ngân hàng lớn tại Việt Nam. Rủi ro tín dụng tiền gửi ngân hàng được quản lý bởi bộ phận ngân quỹ của Công ty theo chính sách của Công ty. Công ty nhận thấy mức tập trung độ với rủi ro tín dụng đối với tiền gửi ngân hàng là thấp.

Rủi ro thanh khoản

Rủi ro thanh khoản là rủi ro Công ty gặp khó khăn khi thực hiện các nghĩa vụ tài chính do thiếu vốn. Rủi ro thanh khoản của Công ty chủ yếu phát sinh từ việc các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính có thời điểm đáo hạn lệch nhau.

Công ty quản lý rủi ro thanh khoản thông qua việc duy trì một lượng tiền và các khoản vay ngân hàng ở mức mà Công ty cho là đủ để đáp ứng nhu cầu cho các hoạt động của Công ty và để giảm thiểu ảnh hưởng của những biến động về luồng tiền.

Bảng dưới đây tổng hợp thời hạn thanh toán của các khoản nợ tài chính của Công ty dựa trên các khoản thanh toán dự kiến theo hợp đồng trên cơ sở chưa chiết khấu:

	<u>Dưới 1 năm</u>	<u>Từ 1 năm đến 5 năm</u>	<u>Trên 5 năm</u>	<u>Tổng cộng</u>
Tại ngày 31/12/2012				
Các khoản vay và nợ	7.680.047.011	7.598.000.000	-	15.278.047.011
Phải trả người bán	958.259.617	-	-	958.259.617
Chi phí phải trả	36.000.000	-	-	36.000.000
Các khoản phải trả khác	207.745.698	2.812.560.731	-	3.020.306.429
	8.882.052.326	10.410.560.731	-	19.292.613.057
Tại ngày 31/12/2013				
Các khoản vay và nợ	7.141.020.337	737.000.000	-	7.878.020.337
Phải trả người bán	2.559.621.815	-	-	2.559.621.815
Chi phí phải trả	32.610.000	-	-	32.610.000
Các khoản phải trả khác	674.023.602	2.812.560.731	-	3.486.584.333
	10.407.275.754	3.549.560.731	-	13.956.836.485

Công ty cho rằng mức độ tập trung rủi ro đối với việc trả nợ là không lớn. Công ty có đủ khả năng thanh toán cho các khoản nợ đến hạn từ dòng tiền được tạo ra từ hoạt động kinh doanh, tiền thu hồi các tài sản tài chính khi đáo hạn và từ các nguồn vốn huy động khác.

3. Tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính

Bảng dưới đây trình bày giá trị ghi sổ và giá trị hợp lý của các công cụ tài chính trong Báo cáo tài chính của Công ty

Tài sản tài chính

	<u>Giá trị ghi sổ</u>				<u>Giá trị hợp lý</u>	
	<u>31/12/2013</u>		<u>01/01/2013</u>		<u>31/12/2013</u>	<u>01/01/2013</u>
	<u>Nguyên giá</u>	<u>Dự phòng</u>	<u>Nguyên giá</u>	<u>Dự phòng</u>		
Tiền và các khoản tương đương tiền	5.821.375.156	-	586.546.974	-	5.821.375.156	586.546.974
Phải thu khách hàng	8.030.427.391	(1.483.329.235)	7.878.972.241	-	6.547.098.156	7.878.972.241
Phải thu khác	10.843.844	-	2.442.313	-	10.843.844	2.442.313
Cộng	13.862.646.391	(1.483.329.235)	8.467.961.528	-	12.379.317.156	8.467.961.528

Nợ phải trả tài chính

	<u>Giá trị ghi sổ</u>		<u>Giá trị hợp lý</u>	
	<u>31/12/2013</u>	<u>01/01/2013</u>	<u>31/12/2013</u>	<u>01/01/2013</u>
	Các khoản vay và nợ	7.878.020.337	15.278.047.011	7.878.020.337
Phải trả người bán	2.559.621.815	958.259.617	2.559.621.815	958.259.617
Chi phí phải trả	32.610.000	36.000.000	32.610.000	36.000.000
Các khoản phải trả khác	3.486.584.333	3.020.306.429	3.486.584.333	3.020.306.429
Cộng	13.956.836.485	19.292.613.057	13.956.836.485	19.292.613.057

Giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính được phản ánh theo giá trị mà công cụ tài chính có thể được chuyển đổi trong một giao dịch hiện tại giữa các bên tham gia ngoại trừ trường hợp bắt buộc phải bán hoặc thanh lý.

Công ty sử dụng phương pháp và giả định sau đây để ước tính giá trị hợp lý cho mục đích thuyết minh trên Báo cáo tài chính.

- Giá trị hợp lý của tiền và các khoản tương đương tiền, các khoản phải thu khác, các khoản phải trả người bán và các khoản nợ phải trả ngắn hạn khác tương đương với giá trị ghi sổ của các khoản mục này do những công cụ này có kỳ hạn ngắn hạn.
- Giá trị hợp lý các khoản phải thu khách hàng được Công ty đánh giá dựa trên khả năng trả nợ của từng khách hàng. Trên cơ sở đánh giá này, Công ty ước tính dự phòng cho phần không thu hồi được theo dự tính của các khoản phải thu này. Tại ngày kết thúc năm tài chính, Công ty đánh giá giá trị ghi sổ của các khoản phải thu sau khi trừ đi dự phòng không khác biệt đáng kể với giá trị hợp lý.
- Các khoản vay và các khoản nợ phải trả tài chính khác mà giá trị hợp lý không thể xác định được một cách chắc chắn do không có thị trường có tính thanh khoản cao cho các khoản vay và các khoản nợ phải trả tài chính khác này được trình bày bằng giá trị ghi sổ.

4. Sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc năm tài chính

Ban Giám đốc khẳng định không có sự kiện quan trọng nào phát sinh sau ngày 31 tháng 12 năm 2013 cho đến thời điểm lập báo cáo này mà chưa được xem xét điều chỉnh số liệu hoặc công bố trong Báo cáo tài chính.

Khánh Hòa, ngày 10 tháng 3 năm 2014



Nguyễn Thị Tuyết Loan
Người lập biểu



Võ Trí
Kế toán trưởng



Nguyễn Phước Vĩnh Khải
Giám đốc